DEPOT LEGAL
•INDOCHINE•
N°P.70

16°
Indoch
505

CHU THIÊN

TUYẾT GIANG PHU TỬ'



ĐẠI-LA

16°
Indoch.
505

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Từ nhà kho Quán Ven Đường

TUYẾT-GIANG PHU-TỬ

1492—1586

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No P. 70.

CHU THIÊN

TUYẾT GIANG PHU TỬ'

LƯỢC KHẢO VÀ PHÊ BÌNH

BIBLIOTHÈQUE INDOCHINOISE

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-LA
Số 46, phố Harmand — Hà-Nội

16° Indoch.
505

TUYẾT - GIANG PHU - TỬ CỦA CHU.
THIÊN DO NHÀ ĐẠI-LA XUẤT - BẢN,
IN LẦN THỨ NHẤT TẠI NHÀ IN
QUANG - HOA, NGOÀI NHỮNG BẢN
THƯỜNG CÓ IN THÊM MƯỜI BẢN
TRÊN GIẤY PHỤNG - CẦU, TRƯỚC SỐ
TỪ P.C. MỘT ĐẾN P.C, MƯỜI. MƯỜI BẢN
NÀY ĐỀU CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ.

雪江夫子

TỰA

Tuyết-Giang Phu-Tử tức là tôn-hiệu của trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm mà ta thường quen gọi là Trạng-Trình.

Đối với Trạng-Trình, dân ta không mấy ai là không biết. Nhiều người còn nhớ ít nhiều câu sấm của Trạng. Cho đến ngày nay giữa lúc năm châu mở khói đạn, mà trong nước đang bị ảnh hưởng theo, người ta đều nhắc nhỏm luôn đến câu :

Mã đề, dương cước, anh hùng-tận. (1)

và mong mỏi :

Thân, Dậu, niên lai, kiến thái-bình ! (2)

Hay là những câu :

Khi Ất con ngồi khóc,
Gà vỗ tỏ sao sác bay,
Chó vẫy đuôi mừng thánh chúa,
Lợn ủn in ăn suối ngày ! (3)

Cũng cùng một xu-hướng ấy và cốt để chiều thị-hiếu công-chúng, những nhà trước-thuật trước đây, hoặc sưu tập văn thơ, hoặc chép tiểu-sử, hoặc viết thành

Từ nhà kho Quán Ven Đường

tiểu-thuyết, đều làm nổi bật cái tài tiên tri của Trạng lên, mà quên mất cái địa vị cùng là sự hành động của Trạng trong hoàn-cảnh xã-hội nước ta hồi ấy.

Cho nên, ở đây, chúng tôi đánh bạo thử xét qua hoàn cảnh đương thời, rồi do nơi địa vị xã-hội của Trạng mà lạm phê-bình đến mọi hành-vi của Trạng trong đời công cũng như trong đời tư.

Một tấm lòng thành-kính đối với cổ-nhân, trong khi viết, chúng tôi cố giữ sao cho khỏi thiên-vị. Còn đúng hay sai, ấy lại là quyền ở bạn đọc xét đoán.

Phú Khê, sau tiết Trung Thu
năm Giáp-Thân hai ngày
(3 Octobre 1944)

Chu-Thiên

---

1) Khoảng năm Ngựa (ngọ) năm Dê (mùi) anh hùng hết.

2) Năm thân, năm Dậu, dở lại thấy thái bình.

3) Khỉ là năm THÂN, dân gian còn phải khóc lóc khổ sở,

Gà là năm DẬU dân gian sơ sác.

Chó là năm TUẤT bắt đầu mừng thấy thái bình

Lợn là năm HỢI trăm họ sẽ no nê, vui vẻ sống một cuộc đời rất nhàn hạ sung sướng.

Từ nhà kho Quán Ven Đường

CHƯƠNG I

DUYỆT MỘT ĐOẠN SỬ

Trước khi khảo đến tiểu-sử và vị-trí Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, ta cần phải biết qua về tình-hình xã-hội thuở ấy, nghĩa là cái thời-thế mà Trạng đã bị bắt buộc sống theo ít nhiều khuôn khổ. Thời thế lúc ấy là một thời thế rối-loạn vào bực nhất trên lịch-sử nước nhà. Giá tin ở sự tuần hoàn hợp lý của vận hội bĩ cực thái lai, hết thái rồi lại trở về bĩ, ta tất phải công-nhận cái cảnh hỗn loạn lầm than trong thời Lê Mạc giao tiếp là một sự dĩ-nhiên sau một thời thái-bình toàn-thịnh khoảng Quang-Thuận, Hồng-đức, dưới triều vua Lê-Thánh-Tông (1460-1497). Những trạng-thái cuộc đời phải đâu đều tuần-tự nhất định một cách máy móc như vậy. Nó uyển-chuyển và biến hóa vô cùng. Nó bầy ra những cảnh thịnh hay suy; xấu hay đẹp, đều

do tự loài người có ý thức hay vô ý thức gây nên. Nghiên cứu về sự thịnh suy của triều-đại Hồng-đức, chúng tôi đã viết trong quyển « *Lê-Thánh-Tông* » một đoạn này : « ...Đã đi đến mực tiến-hóa ấy, mà còn để cho cả một dân tộc giật lùi lại, chính là lỗi vua Thánh-Tông chưa đủ thành-thực và sáng suốt để trông đến nghìn sau (*lược*)... Không sáng suốt, ngài quên không đặt ra luật pháp ràng buộc các hoàng-thân, con và cháu ngài vào vòng trật-tự chặt chẽ, nên sau khi ngài mất vừa mới tám năm (hết đời Hiến Tông 7 năm, Túc-Tông 7 tháng) trong khi các quan văn võ còn kính cẩn tuân theo pháp-luật, Uy-mục-đế (1505-1509) đã làm loạn trong triều, giết bà nội là Tràng Lạc Thái hoàng Thái hậu tức là chánh cung vua Thánh Tông, giết hại anh em và các chú ruột tất cả 26 người. Rồi từ đấy biết bao lần trong cung biến loạn, ngôi báu chuyền sang họ Mạc, gây ra cuộc Nam Bắc giao tranh, biến ra cuộc Trịnh Nguyễn tranh hùng, liên miên trong 300 năm giời, không lúc nào

là trên thượng tầng tổ-chức được yên-ổn, làm cho dân tộc Việt-nam phải giật lùi lại mãi...»

Thật vậy, vua Thánh-Tông đã có công và có tài tổ-chức lại nền chính-trị, ban hành những điều luật rất công bằng và nhân đạo — mà ngày nay ta còn nhận thấy, — đưa dân chúng Việt-Nam đến một trình-độ văn-minh rất cao, sống một cuộc đời sung sướng đầy hạnh phúc trong vòng trật tự êm đẹp. Thế mà chỉ vì thấu thành thực và sáng suốt, ngài tự nhận mình là *con giời* và hoàng-gia là một gia đình đặc-biệt, thông cảm được với giời, không lẫn lộn với toàn dân, nên không để hoàng-gia chịu chung luật pháp với dân chúng. Không những thế, lại còn không có cả một mớ pháp luật nào khác nữa để giữ các hoàng-tử, hoàng-tôn trong vòng trật-tự và nghĩa-vụ: Họ vẫn được công nhiên sống ngoài vòng pháp luật. Gia-dĩ, ngài lại không bề nêu ra cho vị nhân quân những quyền-hành nhất định và những bản phận nhất định. Vì vậy, nên sau khi ngài qua đời chưa

dầy tám năm Uy-mục-đế mới có thể làm loạn trong triều, giết bà nội, giết các chú ruột và các anh em. Kinh-vương Kiến là cou út vua Thánh-Tông, phải bỏ trốn đi đâu mất, không ai rõ tung tích. Tình-trạng lúc ấy thảm-thương đến nỗi có kẻ vô danh phải động mối thương gián, liều viết một bài thơ gián ở *Quảng văn đình*. Một bài thơ dầy vẻ mỉa mai thương tiếc :

Quốc quân bạo hề, thỉnh nịnh thần !
Chư vương hà sự tác khôi trần !
Cao hoàng sự nghiệp kham thùy lệ,
Xã tắc sơn hà chuyển tại nhân !

國君暴兮聽倭臣
諸王何事作灰塵
髙皇事業堪垂淚
社稷山河轉在人

Tạm dịch là :

Vua dữ cả nghe nịnh thần,
Chư vương hà có bị phần đọ than !

Thương ôi! Sự nghiệp Cao-hoàng!
Non sông xã tắc đổi sang tại người!

Vị vua ở trên đã ác nghiệt và làm loạn như vậy, thần hạ tất nhiên nuôi trong lòng một mối bất phục. Rồi nhân Giản-Tu-Công tên là Oanh, (cũng là cháu Vua Thánh-Tông, anh em con chú Uy-mục) bị bắt giam, đút tiền cho người canh ngục được ra, trốn vào Thanh-hóa, bọn Nguyễn-Văn-Lang là em Tràng Lạc Thái-bậu mới suy-tôn lên làm Minh-chủ giấy quân ra đánh. Bọn triều quan trung-thành với Uy-mục, đem quân chống lại. Lòng dân bắt đầu phân-chia từ đấy. Sau Giản-Tu Công thắng, lên làm vua tức là Tương-Dực đế (1510 - 1516). Tương-Dực không hơn gì Uy-mục, giết hại hoàng-thân mười lăm người, tư-thông với các cung-nhân trước trước, sai tên thợ Vũ-Như-Tô làm cái điện một trăm nóc, xây Cửu-Trùng đài, làm nao tổn tiền của, chết hại nhiều người. Cho nên trong nước giặc dã nổi lên khắp cả mọi nơi. Ở đất Kinh-bắc có Thân-Duy-Nhạc, đồ Đồng

Tiến - Sĩ, đổi sang chức võ, làm đến Cầm-Y-Vệ đoán sử triều vua Uy-mục cùng với bọn Ngô-Văn-Tổng khởi binh làm loạn ở Yên-Phong, Đông-ngàn ; Ở Sơn-Tây có Trần-Tuân, là cháu quan Lại-bộ Thượng-thư Trần Cần, nổi lên đánh phá. Đất Nghệ-an thì có Lê-Hy, Trịnh-Hưng Lê-Văn-Triệt làm phản. Lại còn Phùng-Chương ở Tam-đảo, Trần-Công-Ninh ở An-lãng đều hùng cứ một nơi không chịu mạnh lệnh Triều-đình. Nhưng mạnh hơn hết có lẽ là Trần-Cao khởi binh ở Thủy-đường đánh lấy Hải-dương, Đông-triều, rồi tự xưng là vua Đế-Thích giáng sinh, thiên-hạ theo về kể có hàng vạn người. Tình-hình dưới dân chúng đã như vậy, bộ máy chính-trị trong Triều cũng không còn có vẻ gì là duy nhất nữa. Năm Tân-Mùi (1511) Trần-Tuân khởi loạn đánh phá vùng Sơn-Tây, dân kinh-đô sợ hãi chạy đi cả. Vua Tương-Dực sai bọn Lê-Đình-Chi, Nguyễn-Duy-Thốc, Nguyễn-Lý-Quang đi khám xét để ngăn cấm lại. Bọn Lê-Đình-Chi, cả thảy năm người vội cho vợ con

chạy về quê trước. Việc bại lộ Vua Tương-Dực tức giận sai giết chết cả bọn. Như thế đủ tỏ lòng người không còn tin tưởng gì nữa, từ trên đến dưới, ai nấy cũng chỉ nghĩ đến tư lợi mà thôi. Đến khi Trần-Cao đem quân về đóng ở Bồ-đề, chực tràn sang lấy kinh-đô, nhân dân lại một phen sợ hãi chạy chốn. Sau vua phải sai An-hòa hầu Nguyễn-Hoằng-Dụ là con Nguyễn-Văn-Lang, đem quân sang đóng ở Bồ-đề để chống giữ. Tuy thế mà vua Tương-Dực vẫn không đổi tính nết gì cả. Nguyên-Quận-công Trịnh-duy-Sản có công đánh phá giặc Trần-Tuân và các nơi, chỉ vì can Vua mà phải đánh, đem lòng tức giận, bèn mưu với Lê-Quảng-Độ, Trịnh-Chí-Sâm, nửa đêm giả tiếng đi đánh giặc, đem quân vào nội, đuổi vua đến ao Chu-tước bên cạnh Văn-miếu, rồi sai lực sĩ đâm chết.

Bọn Trịnh-Duy-Sản đã giết vua Tương-Dực rồi, liền hội triều-đình định lập con Mục-Ý-Vương là Quang-Trị mới có tám tuổi, nhưng Võ-tá-hầu Phùng-Mại bàn

nên lập cháu ba đời vua Thánh-Tông tên là Ỷ, con Cầm-Giang-Vương, đã 14 tuổi. Bọn Trịnh-Duy-Sản bắt Phùng-Mại chém ngay ở chỗ nghị sự, rồi lập Quang-Trị. Quang-Trị mới làm vua được ba ngày, chưa kịp đổi niên-hiệu thì bị Trịnh-Duy-Đại là anh Trịnh-Duy-Sản đem vao Thanh-hóa. Vao đấy được mấy ngày Quang-Trị lại bị giết.

Nguyễn-Hoằng-Dụ ở bên kia sông, được tin Trịnh-Duy-Sản đã giết vua Tương-Dực, bèn đem quân về đối kinh-thành và bắt tên Vũ-Như-Tô là người đốc việc làm đền đài cho vua Tương-Dực đem chém ở ngoài thành.

Lúc ấy bọn Trịnh-Duy-Sản đã lại lập con Cầm-Giang-Vương là Ỷ lên làm vua tức là Vua Chiêu-Tông (1516-1522). Trịnh-Duy-Sản vội rước vua về Thanh-hóa. Trần-Cảo thấy kinh-đô rối loạn liền tiến quân sang, đánh hãm thành rồi tiếm hiệu làm vua. Hoằng-Dụ chạy vào Thanh-hóa xin hàng. Triều-đình cử Trịnh-Duy-Sản, Nguyễn-Hoằng-Dụ, Trịnh-Tuy, Trần-Châu chia đường ra đánh lấy Đông-Kinh.

Trần-Cảo phải bỏ thành chạy lên vùng Lạng-sơn Thái-Nguyên. Vua Chiêu-Tông giở về Kinh sai Trịnh-Duy-Sản đuổi đánh Cảo. Duy-Sản khinh địch bị giặc giết chết. Trần-Cảo lại về đóng bến Bồ-đề. Vua sai Thiết-Sơn-Bá Trần-Chân đem quân đánh tập hậu phá vỡ tan quân giặc. Trần Cảo lại phải chạy về Lang-Nguyên, và thấy sự nghiệp không thành, bèn nhường quyền lại cho con tên là Thăng, cắt tóc đi tu rồi chết ở đấy.

Hoằng-Dụ với Trinh-Tuy đi đánh giặc về, rồi vì tranh công mỗi người đóng mỗi nơi để chống lẫn nhau. Hoằng-Dụ đem quân đánh Trịnh-Tuy ở kinh đô, Tuy thua chạy vào Thanh-Hóa. Trần-chân thấy Hoằng-Dụ đánh đuổi Tuy liền dẫn quân đến đánh Hoằng-Dụ. Hoằng-Dụ cũng phải chốn về Thanh-Hóa. Vua sai Mạc-Đăng-Dung đi đánh Nguyễn-Hoằng-Dụ. Nhưng đến nơi, Đăng-Dung tiếp được thư của Hoằng-Dụ viết riêng cho mình, bèn không đánh nữa đem quân về đóng ở Hải-Dương.

Bấy giờ Trần-Chân đã đánh được Trần-

Cảo, đuổi Hoằng-Dụ, cầm cả quyền binh trong triều. Có người nói Trần-Chân dấp tâm làm phản, vua Chiêu-Tông bèn vời Trần-Chân vào trong cấm điện sai võ-sĩ trói lại chém đi. Bộ tướng của Trần-Chân là bọn Hoàng-Duy-Nhạc, Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng nghe tin chủ tướng bị giết liền đem quân vào đánh phá kinh thành. Vua phải chạy sang Gia Lâm. Hôm sau chạy sang làng Dương Quang (thuộc huyện Siêu-Loại, Bắc-Ninh) cho người vào Thanh-Hóa vời Nguyễn-Hoằng-Dụ ra đánh giặc. Hoằng-Dụ không ra, vua phải cho người về Hải-Dương gọi Mạc-Đăng-Dung. Đăng-Dung đến nơi, đóng quân thủy ở sông Nhị-Hà, rồi vào yết kiến vua. Đăng Dung cho người mật dụ bọn Nguyễn-Kính Nguyễn-Áng về hàng. Bọn này xin vua giết những người dèm Trần-Chân là Chử-Khải, Trịnh-Hựu và Ngô-Bính rồi sẽ xin đầu hàng. Vua bắt ba người đem giết đi, nhưng bọn tên Kính tên Áng vẫn không giải binh. Thế giặc vẫn mạnh, lại có Trịnh-Tuy và Nguyễn-Sư làm phản thông với bọn tên Kính, lập Lê-Do làm vua, đóng

bành-điện ở Từ-Liêm. Đăng-Dung thấy làng Dương-quang xa sông, đi lại không tiện, xin vua về bến Bồ-Đề để quân thủy bầu ba cho tiện. Về Bồ-Đề tháng tám, tháng chín, Đăng-Dung cho là gần đất giặc lại xin vua về Bảo-Châu (nay là bãi Tứ-Tổng thuộc Đại-Lý Hoàn-Long). Đô-Ngự-Sử Đỗ-Nhạc và Thiêm-Đô Ngự-Sử Nguyễn-Dư đều can ngăn. Đăng-Dung giận sai Đinh-Mông bắt Đỗ-Nhạc Nguyễn-Dư giết ở ngoài cửa Bắc bành-dinh làng Xuân-Đỗ. Các quan đều sợ run cả, bèn rước vua về Bảo-Châu. Đăng-Dung bắt đầu chuyên quyền từ đấy. Vua sợ Đăng-Dung, lại phải cho người gọi Nguyễn-Hoàng-Du lần nữa. Hoằng-Dụ đem binh từ Thanh-Hóa ra cùng với Đăng-Dung đánh giặc. Nhưng Hoằng-Dụ đánh thua lại phải rút quân về.

Năm sau, Kỷ-Mão (1519) Mạc-Đăng-Dung trừ được bọn Lê-Do và Nguyễn-Sư, rồi lại thu hàng được bọn Hoàng-Duy-Nhạc Nguyễn-Kinh và Nguyễn-Áng đem về làm vây cánh cho mình. Ngày 20 tháng chín vua về kinh, phong thưởng cho Đăng-

Dung và các quan có công dẹp loạn Binh quyền từ đấy về cả Đăng-Dung.

Năm Tân-Tỵ (1521) vua phong Đăng-Dung làm Nhân-quốc-công, tiết chế cả 13 đạo quân thủy bộ. Đăng-Dung uy quyền càng hống hách, ra vào cung cấm, tiếm dụng nghi vệ Thiên-tử ; các quan có ai can ngăn đều bị giết cả. Vua Chiêu Tông thấy thế mới âm mưu với bon nội thần Pham-Hiến. Pham-Thứ để đánh Đăng-Dung, lai cho người vào Thanh-Hóa hẹn với Trịnh-Tuy đem quân ra làm ngoại ứng. Canh hai đêm hai mươi tháng bầy năm Nhâm-Ngọ (1522) vua chạy ra cửa Tây, lên huyện Minh-Nghĩa thuộc Sơn-tây, để thu xếp binh mã đánh họ Mạc. Sáng hôm sau, Đăng-Dung mới biết vua xuất ngoại, liền sai Hoàng-Duy-Nhạc đem quân đuổi theo ; lên đến Thạch-Thất, Duy-Nhạc bị quân ở đấy bắt được giết đi.

Tháng tám, Đăng-Dung họp các quan trong triều lập em vua là Thung lên làm vua tức là Cung-Hoàng (1522-1527). Sợ vua Chiêu-Tông đem viện quân về đánh,

Đăng-Dung rước Cung-Hoàng về huyện Gia-Phúc, Hải-Dương, lập hành-điện ở ngay trong huyện. Ngày 11, Chiêu-Tông được hào kiệt các nơi giúp, tiến về kinh đô, ngày 16 thiết đại-triều ở điện Đoan-quang. Đăng-Dung được tin chia quân thủy bộ tiến lên bến Đông-Hà, thẳng vào điện Đoan-quang. Vua Chiêu-Tông vội tránh về làng Nhân-mục (làng Mọc) rồi chạy lên chùa Trùng-quang ở làng Thiên-Mỗ, huyện Từ-liêm (nay là phủ Hoài-Đức) và cho người vào Thanh-Hóa gọi Trịnh-Tuy ba bốn lần. Nhưng Trịnh Tuy còn do-dự mãi không ra. Ngày 20 tháng chín, Chiêu-Tông lại tiến về kinh đô, đóng ở phía tây thành làm hành điện ở làng Hạ-Yên-Quyết để thiết triều. Ngày 18 tháng 10, Trịnh-Tuy cùng với Trịnh Duy-Tuấn đem hơn một vạn quân ra đến nơi để giúp thì vua lại nghe lời hoạn-quan Phạm-Điền dèm, bắt thuộc tướng của Trịnh-Tuy là Nguyễn-Bá-Kỷ đem giết đi. Trịnh-Tuy tức giận nửa đêm đem quân đến hành-điện bắt hiếp vua Chiêu-Tông về Thanh-Hóa. Cũng ngày

hôm ấy, Mac-Đăng-Dung rước Cung-Hoàng từ Gia Phúc về Kinh. Năm sau Quý-mùi (1523) Đăng-Dung tuyên cáo giáng Chiêu-Tông xuống làm Đà-dương-vương. Năm Ất-dậu (1525), Đăng-Dung thân đem quân vào Thanh-Hóa đánh Trịnh-Tuy. Trinh-Tuy thua trận chết, Đăng-Dung bắt được Chiêu-Tông ở châu Lương-Chính, phủ Thanh-Đô đem về an-trí ở Đông-Hà (thuộc huyện Thọ-Xương). Đến ngày mồng tám tháng mười một năm Bính-Tuất (1526) Đăng-Dung mật sai Bái-Khê-Bá là Phạm-Kim-Bảng đem giết Chiêu Tông ở làng Vĩnh-Hưng huyện Thanh-Trì. Xong công việc, Đăng-Dung về nghỉ ở Cổ-Trai. Năm Đinh-Hợi (1527) Cung-Hoàng sai sứ về làng tiến phong Đăng-Dung làm An-nam quốc-vương. Tháng sáu, Đăng Dung vào kinh sai lũ quan Lại bộ Thượng-thư tước Vạn-Xuyên-Bá Phạm-Văn-Hoán, (người ở Phù-Lưu huyện Thiên-Lộc (Nghệ-An), Đông-các Đại-học-sĩ tước Đạo-xuyên-bá Nguyễn-văn-Thái, Bảng nhỡn, người Tiền-Liệt huyện Vĩnh-Lại Hải-Dương) và Trạng nguyên Hoàng-Văn-

Tán (người Xuân-Lôi, huyện Võ-Giàng) thảo tờ chiếu truyền ngôi. Ngày mười bảy, Đăng-Dung hội các quan tuyên đọc tờ chiếu bắt Cung-Hoàng truyền ngôi. Đăng-Dung tiếm vị làm vua, đổi niên hiệu là Minh-đức, giáng Cung-hoàng xuống làm Cung-vương. Ngày rằm tháng sáu nhuận, Đăng-Dung sai người bắt Cung-hoàng phải tự-tận. Thái-hậu cũng bị giết Thế là ngôi báu nhà Lê đổi sang tay họ Mạc.

Thuật lại dài-giòng đoạn lịch-sử này, ta nhận thấy rằng trong khoảng thời gian ngắn ngủi có hơn 20 năm giời (từ Uy-mục 1505 đến hết Cung-Hoàng 1527) đã sảy ra liên miên biết bao nhiêu là cuộc tranh giành cướp xé. Chốn triều đường không còn là nơi cầm cân nẩy mực cho trăm họ nữa. Ở đấy chỉ toàn thấy có mưu mô và cường quyền. Cả một trào lưu vụ lợi tràn khắp từ trên chí dưới. Các quan trong triều ngoài nội đều vì tư kỷ sinh thù ghét, tìm cách khuynh loát lẫn nhau. Không ai nghĩ đến dân đến nước cả. Ở thượng tầng tổ chức đã như vậy, dưới hạ tầng cũng bị ảnh

hưởng theo. Những người chính nhân quân tử không còn đủ quyền lực hiệu triệu dân chúng đi theo đường phải. Những phần tử xấu xa được đủ điều kiện thuận-tiện để nẩy nở lan tràn, đua nhau đi su-phụ những kẻ quyền gian, thay chủ thờ như thay áo rách. Lòng dân đã chia rẽ như thế, xã hội đã rối loạn tự trên lại càng rối loạn thêm, càng ngày càng rời xa về duy-nhất trước kia. Cho nên những bậc tâm-huyết như các ông Lại-bộ Thượng-thư Trạng-nguyên Vũ-Duệ, Lại-bộ Thượng-thư Bảng-nhỡn Ngô-Hoán, Đô-ngự-sử Nguyễn-Văn-Vận, Hàn-lâm Hiệu-lý Nguyễn-Thái-Bạt, Lễ bộ Thượng-thư Lê-Tuấn-Mậu, Lại-bộ Thượng-thư Đàm-Thận-Huy, Tham-chánh-sứ Nguyễn-Duy-Tường, Quan-sát-sứ Nguyễn-Tự-Cường, Binh-bồ-bá Nghiêm-Bá-Ký, Đô-ngự-sử Lại-Kim-Bảng, Hộ-bộ Thượng-thư Nguyễn-Thiệu-Tri, Phó-đô-ngự-sử Nguyễn-Hữu-Nghiêm, Lễ-bộ Tả-thị-lang Lê-Vô-Cương... đã bết sức tìm mưu kế giẹp loạn mà công cuộc cũng đều thất bại. Rốt cuộc, các ông đành

phải bó tay, đi đến con đường tiêu-cực, đem thân thế ra đánh ván cờ cuối cùng người thì nhổ vào mặt Đăng-Dung, người thì mắng nhiếc lấy đá ném vào gian tặc rồi bị giết, người thì nhảy xuống sông mà chết, người thì ở nhà mặc đủ triều phục quay đầu về Lam-Sơn lậy tạ rồi tự tử, người thì giấy quân đánh lại giặc thua trận bị giết chết. Các ông quá thụ-động vào hoàn cảnh nên bị thua thời cuộc, song cái lòng chí thành cũng đã đánh dấu được lịch sử và nêu sáng con đường chính cho lớp người sau. Tuy nhiên một số ít người ấy dĩ-nhiên là không thể cản nổi cái trào-lưu rối loạn nó đang tràn ngập khắp cả mọi tầng-lớp trong xã-hội.

Nguyễn-Bỉnh-Khiêm lớn lên vào giữa khoảng thời gian ấy, được trông thấy hiện-tình rối loạn của xã-hội, chỗ nào cũng được mục kích thảm-họa của chiến-tranh, nên chán đời không muốn ra làm quan, đi ẩn dạy học-trò để đào-tạo lấy lớp người giúp nước sau này. Thương cảm vì tình trạng trăm họ lúc bấy giờ,

Bỉnh Khiêm ngụ ý vào một bài thơ rằng :

Thái hòa vũ-trụ bất Ngu, Chu
Hổ chiến giao tranh tiếu lưỡng thù,
Xuyên huyết sơn hài tùy xứ hữu,
Uyên ngư tùng tước vị thùy khu,
Trùng hưng dĩ bốc độ giang mã.
Hậu hoạn ưng phòng nhập thất khu.
Thế sự đáo đầu hưu thuyết trước,
Túy ngâm thâm bạn nhậm nhàn du,

周虞不庙和泰
鷸兩笑爭戰互
蚌處隨殺血川
相誰爲雀魚湖
持江渡卜與重
鷸室入休眸興
不說休閉任興
笑閉任眸興興
處室休閉任興
誰入眸任興興
爲休眸興興興
渡眸興興興興
卜興興興興興
與興興興興興
興興興興興興

Dịch là :

Thái hòa nào phải thuở Ngu, Chu,
Chinh-chiến kìa ai những mặt thù !
Xương núi, máu sông từng chỗ khắp,
Sẻ rừng cá vực vị ai khua ?
Ngựa về qua bến còn khi gặp,
Cáo sẽ vào nhà sợ vạ chưa ?
Thế sự đảo điên thôi chẳng nói,
Say, ngâm bờ vắng mặc nhàn du !

Lời thơ giản dị mà đầy vẻ ngán đời xuất thế. Ấy thế mà sau nay, Bình-Khiêm cũng không đành ngảnh mặt làm thinh được, lại phải bước vao trường chính-trị để mưu toan những việc cải tổ lại xã-hội.

Trường hợp nào đã kéo được Bình-Khiêm vào đời hoạt-động và sự nhập thế của ông có đề được ảnh hưởng gì không ?

Đề đi tìm thấy những quan-điểm ấy, trước hết ta phải biết đến thân thế ông đã.

CHƯƠNG II

TIỂU SỬ

LIEU 20.

CHLORE 11

Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, 阮秉謙 húy là Văn-Đạt, 文達 hiệu là Bạch-Vân Cư-sĩ, 白雲居士 người làng Trung-Am huyện Vĩnh-Lại tỉnh Hải-Dương. Ông, húy Văn-Tĩnh, được truy-tặng Thái bảo Tư-quận-công, bà là Phạm-thị Trinh-Huệ được ấm phong Chính Phu-nhân. Cha là Văn-Định, tặngước Thái-Bảo Anh-quận-công, có văn tài sung chức Thái học-sinh (tức là học trò trường Quốc tử-giám), đạo hiệu là Cỏ xuyên tiên-sinh. Bà thân-sinh ra Bỉnh-Khiêm, họ Nhữ. Ấm phong Từ-Thục Phu-nhân, con gái quan Thượng-Thư Nhữ-Văn-Lan, người làng Yên Tử huyện Tiên-minh, cùng tỉnh Hải-Dương. Bà bẩm tính thông-minh, thông kinh sử, giỏi văn-chương, lại tinh lý số, biết xem tướng; đương lúc thịnh-trị đời Hồng-

Đức, bà chiêm nghiệm suy tính biết hơn bốn mươi năm sau có cuộc thay đổi. Bà có chí muốn tạo-thời (nghĩa là muốn kén lấy người chồng có tướng sinh con đáng vì thiên tử để dựng lại thời thế). Bởi thế mãi đến ngoài hai mươi tuổi vẫn còn kén chồng. Đến khi gặp ông Văn-Định thấy có tướng sinh quý tử mới chịu lấy. Bấy giờ bà đã gần ba mươi tuổi.

Một hôm bà ngồi chơi ở bến đò Tuyết-Hàn, thấy một thiếu niên sang đò, bà ngạc-nhiên than rằng:

— Trước kia sao không gặp, bây giờ còn đến đây làm gì?

Sau bà hỏi họ tên mới biết là Mạc-Đăng-Dung, trong bụng cứ phàn nàn tiếc không gặp con người có tướng đế vương ấy trước khi chưa lấy chồng.

Năm Tân-Hợi, niên hiệu Hồng-Đức thứ 22 (1592) đời vua Lê-Thánh-Tông, bà sinh ra Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, mình to nhớn, tướng mạo khôi ngô, chưa đầy tuổi tôi đã biết nói. Một buổi sáng, Văn-Định ẵm con ra chơi ngõ, Bỉnh-Khiêm bỗng nói:

— *Ồ! mặt giời mọc đằng Đông!*

Văn-Định kinh lạ về nói với vợ, Nhữ. thị riêng có ý mừng. Năm lên bốn tuổi bà dạy học chính văn kinh truyện, Bình-Khiêm đọc qua là thuộc lòng ngay, lại học truyền khẩu mấy chục bài thơ quốc âm.

Một buổi bà cụ đi vắng, ông cụ ở nhà kéo giây, đánh quyền đùa với con, ngâm một câu rằng:

« *Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung...*

Ông chưa biết tiếp thế nào thì Bình-Khiêm ở bên đọc nối ngay:

« *Vịn tay tiên nhẹ nhẹ rung!*

Ông cụ mừng lắm. Khi bà cụ về liền thuật lại cho nghe. Bà cụ giận trách chồng rằng:

— Nguyệt là tượng bầy tôi, sao ông lại dạy con câu ấy?

Ông cụ thẹn xin lỗi mãi. Nhưng bà cụ vẫn để tâm, bỏ về ở quê nhà để tỏ nỗi bất mãn.

Nhớn lên Bình-Khiêm nhập môn học quan Bảng-nhỡn Thượng-Thư Lương-Đắc-Bằng. Quan Bảng Lương người làng Hội-Trào, huyện Hoằng-Hoá, tỉnh Thanh-Hóa,

đỗ Hội-nguyên Bảng-Nhãn khoa Kỷ-Mù Cảnh-Thống thứ hai (1498), làm đến thượng Thư bộ Lại, tước Đôn-Trung-Bá. Khi phụng-mạnh sang sứ Tầu, Lương gặp được người cùng họ là con cháu Lương-Như-Hốt (người Nam hàng Minh bởi thuộc Minh được phong tước Lãng-Lăng-Vương) đưa tặng bộ *Thái-Ất Thần-Kinh*. Lương đem về khảo-cứu tinh vi, nhưng chưa tìm được người để truyền lại.

Bỉnh-Khiêm đến học được ít lâu, văn chương lừng lẫy, nổi tiếng là thần đồng, quan Bảng Lương liền đem bộ sách ấy truyền cho. Bỉnh-Khiêm nhân đấy nghiên cứu thêm tinh thông về lý học. Ít lâu sau, Lương ốm nặng, giao con là Lương-Hữu-Khánh lại cho Bỉnh-Khiêm dạy dỗ.

Lúc ấy nhằm vào giữa khoảng Quang-Thiệu đời Chiêu-Tông, thiên-hạ đang rối loạn, Bỉnh-Khiêm ẩn cư dạy học không quan tâm gì đến việc nước cả, mới làm ra bài thơ thuật ở trên kia.

Khi ngôi báu đã chuyển sang họ Mạc rồi, bốn phương tạm yên. Vua nhà Mạc nghĩ đến đường văn-trị, liền xuống chiếu

khắp trong ngoài mở khoa thi kén người tài giỏi. Các bạn bè thân thích đều khuyên Bỉnh-Khiêm ra ứng thí. Ông suy biết nhà Lê lại trung-hưng lên được, ngần-ngừ không muốn ra làm quan với nhà Mạc. Nhưng bạn bè cứ một mực khuyên, nên đem tài ra giúp đời trị dân. Vả trên lại còn có mẹ già ngoài bảy mươi tuổi, nhà nghèo, không đủ lễ-nghi báo dưỡng, ông suy-tính dằn đo mãi rồi mới quyết chí vào đời, định đem sở học bình sinh ra kinh bang tế thế. Lúc ấy ông đã bốn mươi bốn tuổi mới ra thi Hương, đỗ Giải nguyên khoa Giáp Ngọ năm Đại chính thứ năm (1534). Năm sau Ất-mùi ông vào thi Hội bốn kỳ đều nhất, đỗ Hội-nguyên ; Vào Đình-đối đỗ Trạng-nguyên. Từ Hương thi đến Đình thi ông đều đỗ đầu. Vua Thái-Tông Đăng-Doanh cả mừng, đặc cách cử làm Đông-các Hiệu-thư. Thái-Tông sai họa hai bài thơ ngự chế đều được ưu hạng, liền cử làm Hình-bộ Tả Thị-lang. Ít lâu lại đổi sang Lại-bộ Tả-Thị lang kiêm Đông-các Đại-học-sĩ. Ở Triều ít lâu, Trạng thấy

mọi việc đều không được như ý mình mong mỏi, bọn gian tà cũng vẫn công nhiên dự việc chính, Trạng bèn dâng sớ xin chém quyền-thần mười tám người. Sớ tâu vào không được xét đến, lại nhân con rể là Phạm-Giao cùng với cha là Phạm-Quỳnh cũng thuộc vào bọn quyền-thần ấy, Trạng khuyên bảo không được, bèn thác bệnh xin về trí-sĩ. Ấy là năm Nhâm Dần, hiệu Quảng-bòa thứ hai (1541) đời vua Tuyên-Tông Phúc Hải. Vua Phúc-Hải không giữ lại được đành phải chuẩn cho và gia phong làm Trình-Tuyền-hầu (Vì thế ta mới quen gọi là Trạng-Trình).

Trạng Bỉnh Khiêm về làm cái am Bạch-vân ở bên tả làng Trung-am, nhân tự hiệu là Bạch-vân cư sĩ; dựng hai cái cầu là Nghinh-Phong và Trường-Xuân để làm nơi nghỉ mát, và xây một cái quán ở bên sông Tuyết giang gọi là quán Trung-Tân, có soạn bài văn bia khắc vào bia đá để khuyên răn người đời (xem bài văn bia ở phần văn thơ).

Trạng đã về trí sĩ rồi, nhưng nhà Mạc vẫn tôn thờ như bậc thầy, trong Triều

có công việc gì trọng đại vẫn phải sai sứ về hỏi tận nhà. Trạng về trí-sĩ ở nhà được bốn mươi tư năm.

Ngày 28 tháng một năm Ất-Dậu hiệu Sùng-Khang thứ năm (1586) đời vua Mạc. Mậu-Hợp, Trạng mất, thọ 95 tuổi, an táng tại bãi làng Trung-am.

Các học trò truy tôn Trạng là *Tuyết-Giang Phu-Tử* 雪江夫子.

Vua Mạc bấy giờ là Mạc-Mậu-Hợp sai Khiêm-Vương Mạc-Kính-Điều làm Khâm-sai đem các quan về dụ tế, truy phong Trạng Bình Khiêm làm Lại-bộ Thượng-thư, Thái-Phó, Trình-quốc-Công.

Tháng giêng năm sau (1587) vua Mạc phát cho sở-tại ba nghìu quan tiền lập đền thờ và cấp một trăm mẫu tự-điền. Đền ấy làm ngay trước cửa dinh Trạng, vua thân viết mấy chữ đề là :

Mạc Triều Trạng-Nguyên, Tể Tướng từ.

Đền quan Trạng-Nguyên Tể-Tướng triều Mạc

Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm có ba vợ : Chính phu-nhân Dương-thị hiệu là Thuần-Ý, người làng Hà-giang cùng huyện Vĩnh-lại, là con gái quan Hình-bộ Tả Thị-lang

Dương-Đức-Ngạn, Thứ phu-nhân họ Nguyễn, hiệu Nhu-tĩnh, Á phu-nhân, họ Nguyễn hiệu Vi-tĩnh. Sinh hạ được bầy con giai, năm con gái. Con giai cả là Hàn-giang Sử-sĩ, ấm phong Trung-chinh đại-phu làm quan đến Hiến-phó. Con thứ hiệu Túy-am tiên sinh, ấm phong Triều-liệt đại-phu, có quân công, được phong tước Quảng-Mậu hầu. Con thứ ba ấm phong Hiền-cung đại-phu, có quân công, tước Nghĩa-Xuyên bá ; con thứ tư là Thuần-Phu ấm phong Hoằng-nghị đại phu, có quân công tước Quảng-đô hầu, con thứ năm là Thuần-Đức có quân công tước Bá-thứ hầu. Con thứ sáu là Thuần-Chính có quân công tước Quan-lực hầu.

Một gia đình như thế thật đủ cả tam đa, ngũ phúc.

CHƯƠNG III

ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm đã ra ngoài vòng chính trị rồi, tuy tự nhận là cư-sĩ, song lại sống cái đời xã-hội đầy đủ hơn Với một một tài học uyên-bác, với tấm lòng nhân từ, với cách sống đơn giản gần đại chúng, Trạng đã là cái nêu cao thắng cho mọi người, từ kẻ quyền quý đến kẻ thứ dân. Giữa lúc chính quyền chia ra nhiều ngả, lòng người hoang-mang không biết đâu là sở-chỉ, thì mỗi một lời răn bảo của Trạng là một quyết định được vâng theo ngay. Cho nên những kẻ cừu thù nhau trên đường công danh, trên trường chính-trị, những kẻ nắm được quyền hành vô đối, cũng đều phải phục lòng trạng và thường thường đến hỏi kế sử sự. Nhân đấy Trạng có thể làm sáng tỏ con đường chính, lúc ấy đang bị lu mờ, gợi thiện-căn ở lòng người và

làm giảm bớt lòng tham lam trục-lợi đi. Vậy thì cái thú nhàn của Trạng, mà nhiều người ngày nay vẫn chê trách, — chỉ là bề ngoài mà thôi. Chứ trong nội-giới, Trạng vẫn hoạt động để thực biện chân-lý, vẫn đi sát với đại chúng. Trạng phải mượn thú nhàn để được tự-do mà làm theo cái chí mình đó thôi. Ta hãy tìm xem Trạng hưởng thú nhàn như thế nào ?

Trạng về làng sửa sang lại các đình chùa trong làng, và giồng cây các vệ đường đê, mở một chợ ngày hai mươi tám tết cho người làng và chung quanh buôn bán. Trạng lại hay chơi với các nhà sư, cứ gặp khi nhàn hạ và khi giới mát mẻ, cùng nhau thả thuyền ra chơi bể, hoặc ra cửa Kim hải, cửa Úc môn xem đánh cá. Hay cùng nhau lên chơi các nơi danh sơn như núi Đồ-sơn, núi Ngọa-vân núi Kính-chủ, núi Yên-tử, đạp đá vin cây, chơi chùa ngắm cảnh, gặp chỗ nào cây cao bóng mát, đá phẳng suối trong, lại nghỉ ngơi ngắm nghía, thích chí ngâm vịnh. Có khi quện cả giờ về...

Trạng tuy đã về nhà, vua tôi nhà Mạc vẫn tôn thờ như bậc thầy, thời thường sai sứ lại thăm viếng và ban cho những đồ ngọc ngà, gấm vóc, vàng lụa, chẳng thiếu thứ gì. Cũng có khi vua Mạc ngự giá thân về chơi nhà. Phàm trong nước có việc gì quan trọng đều sai sứ đến hỏi trạng, hoặc vời trạng về kinh đô bàn bạc, Trạng đều tùy cơ ứng đối, chung quy bao giờ cũng khuyên lấy nhân đức làm gốc. Triều đình nghe theo kế hoạch của trạng cũng được nhiều điều bổ ích, nên vua Mạc hai ba lần muốn khôi phục Trạng ra làm quan, Trạng đều nhất định từ chối không chịu ra.

Năm Canh-Tuất, niên hiệu Cảnh-lịch thứ ba (1552), Vua Mạc Phúc-Nguyên nghe lũ cha con Phạm-Quỳnh, Phạm-Giao dèm bọn Nguyễn Thiến (có nơi đọc là Sảnh) và thông gia là Phụng-quốc-công Lê-Bá-Ly, âm mưu làm phản. Nguyễn-Thiến với con là Nguyễn-Quyện (con rể Lê-Bá-Ly), Nguyễn Thận, Nguyễn Mãi, cùng Lê-Bá-Ly bỏ trốn vào Thanh-Hóa giúp Lê-Trang-Tông. Nguyễn-Thiến,

TUYET-GIANG PHU-TU

người làng Canh-Hoạch, huyện Thanh-Oai, đỗ Trạng-nguyên khoa Nhâm-Thìn, năm Đại-chính thứ ba (1532) đời vua Mac-Đăng-Doanh làm quan Lại-bộ Thượng thư, tước Thư-quận-Công, vốn là bạn chơi với Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm. Được tin Thiến về Lê, Trạng gửi vào cho một bài thơ rằng :

Cố ngã tồn cô duy nghĩa tại
Tri quân sử biến khởi tâm cam.
Khí vận nhất chu ly phục hợp.
Tràng giang khởi hữu hạn Đông Nam.

顧我存孤惟義在
知君處變豈心甘
氣運一週離復合
長江豈有限東南

Dịch :

Ta giữ kẻ côi vì chút nghĩa,
Ông đương khi biến, há cam lòng.
Khí vận một vòng ly, lại hợp ;
Sông dài há có hạn Nam, Đông.

Nguyễn-Thiến được thơ, trong lòng cũng bùi ngùi.

Đến năm Đinh-tỵ (1557) hiệu Quang-Bảo thứ ba, Nguyễn Quyện đánh phá quân Mạc rất dữ ở vùng Sơn-Nam, vua Mạc-Phúc-Nguyên lo lắm, biết Trạng Bình-Khiêm với Nguyễn-Quyện có tình sư đệ, liền sai sứ đến hỏi kế. Khi ấy Nguyễn-Thiến đã chết rồi, Trạng Bình-Khiêm tâu rằng :

— Nguyễn-Quyện là học trò thần trước, hiện nay hắn đang đóng quân ở Thiên-Trường (nay là Xuân-Trường), chính đang buổi hiểm nghi do dự, để thần dùng mưu bắt hắn rồi dụ hắn về với Triều-Đình !

Vua Mạc cả mừng nhờ Trạng lập kế ngay. Trạng Bình Khiêm bèn thả thuyền xuống chơi mạn Thiên-trường, sai hơn một trăm tráng-sĩ phục sẵn ở bên bờ sông phía bắc, rồi sai đưa thư hẹn Nguyễn-Quyện đến thuyền uống rượu nói chuyện.

Nguyễn-Quyện tiếp được lệnh thầy, lập tức ra thuyền bái kiến. Trạng sai đặt

tiệc khoản đãi, thầy trò uống rượu trò chuyện rất vui vẻ. Nhân lúc rượu ngà-ngà say, Trạng cho thuyền chèo vội về bờ phía bắc, phục binh nổi lên vây quanh thuyền. Nguyễn Quyện ngơ-ngác chưa biết là toán quân nào, toan đứng dậy, Trạng liền giữ ngồi xuống, nhân thuật rõ ý vua Mạc nhờ mình đi dụ, và nói đến ân nghĩa của triều đình trước cùng là sự lợi hại hiện thời. Nguyễn-Quyện nghe lời cúi đầu ngẫm nghĩ, bèn đem quân bản bộ trở về với Mạc triều.

Tháng giêng năm Bính-Thìn (1556) hiệu Thuận-Bình thứ 8 triều Lê Trung-Tông (Quang-Bảo thứ ba nhà Mạc), Vua Trung-Tông mất, không có con, Trịnh-Kiểm thừa cơ muốn tự lập làm vua, song còn ngần ngại chưa dám quyết, liền mật sai sứ đem lễ vật ra tận Hải-dương hỏi Trạng Bỉnh-Khiêm. Trạng không bảo rõ, chỉ quay lại giận lũ người nhà rằng:

— Năm nay mất mùa, thóc giống không được thực, các anh nên tìm giống thóc cũ mà gieo mạ!

Nói xong, Trạng đứng dậy chống gậy

ra chơi chùa. Trịnh Sử cũng theo ra. Trạng vào chùa sai nhà sư quét chùa thắp hương, rồi cười bảo rằng :

— Nhà sư chăm chỉ cúng Phật ăn oản nhé !

Ngoài ra không nói gì cả. Trịnh Sử hiểu ý về bẩm với Thái-sư Trịnh Kiểm. Trịnh-Kiểm mới đi tìm được người cháu nằm đời ông Lê-Trừ (tức là anh ruột vua Lê-Thái-Tổ) là Duy-Bang lập làm vua tức là vua Anh-Tông (1557 — 1573).

Đồng thời lúc bấy giờ, con Chiêu-Huân Tĩnh Công là Đoan-Công Nguyễn-Hoàng đang lo sợ anh rể là Thái Sư Trịnh-Kiểm ghen-ghét lập mưu ám hại. Nguyên Nguyễn-Kim có hai giai là Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng và một con gái là Ngọc-Bảo gả cho Trịnh-Kiểm. Nguyễn-Kim mất binh quyền về cả Trịnh-Kiểm. Nguyễn-Uông bị chết một cách bí mật, Nguyễn-Hoàng ngờ cho Trịnh-Kiểm giết, càng lấy làm sợ lắm. Nhân bà mẹ là Nguyễn phu-nhân, người làng Mậu-xá huyện Tống-kỳ, nghĩ có tình đồng quận với Trạng Bỉnh-Khiêm, liền giục con sai sứ đến

nhờ Trạng tìm cho một lối thoát thân. Sứ-giả đem vàng bạc làm lễ đến lậy trước án xin Trạng ban bảo. Trạng chối không biết, rồi đứng lên chống gậy dẫn Nguyễn-Sứ ra vườn chơi. Trong vườn có một rẫy non bộ, xếp bằng hơn chục hòn đá, đá đất lởm-chởm, cây cỏ xanh rì, hình thế tự nhiên coi rất đẹp. Trên núi có một đàn kiến lần theo rẫy đá mà đi thành một vệt dài. Trạng cầm gậy chỏ vào đàn kiến đang bò cười bảo rằng :

— Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân ! (Nghĩa là Đèo ngang một rẫy dung thân muôn đời).

Nói xong, lại chống gậy trở vào, sai làm rượu đãi Nguyễn Sứ rồi tiễn về không bảo điều gì cả.

Sứ về trình Nguyễn-Hoàng, Hoàng hiểu ý bèn nhờ chị là Ngọc-Bảo nói với Trịnh-Kiểm xin vào trấn thủ đất Thuận-Hóa (tức là rẫy đèo ngang). Trịnh-Kiểm thấy xứ ấy xa xôi hiểm trở, vừa mới mở mang, thổ dân toàn là mường mọi, thủy thổ còn lam chướng, biết không

phải là nơi đất lành, chắc không thể làm nên công-trạng gì, bèn bằng lòng cho Nguyễn-Hoàng đi trấn thủ, có ý mượn ma thiêng nước độc để hại em vợ, cho khỏi mang tiếng với đời sau.

Không ngờ quả như lời Trạng Bỉnh-Khiêm nói, Nguyễn-Hoàng tới trấn Thuận-Hóa lại mở mang thành một nơi phồn-tụ, mà về sau các chúa Trịnh đánh mãi không được. Cho đến bây giờ rẻo đèo ngang ấy đã thành xứ Trung-Kỳ thịnh-vượng, một cơ-sở trung-tâm của Triều Nguyễn.

Năm Ất Dậu (1586) Trạng Bỉnh-Khiêm ốm nặng, biết mạnh không thể sống được nữa, liền thảo sớ dâng tạ vua Mạc, trong có câu rằng:

« Thần suy tinh độ số thấy vận nước nhà đã suy, vận nhà Lê đã đến hồi tái tạo, ý giời đã định, sức người khó theo. Song nhân giả có thể hồi thiên ý, xin Nhà vua hết lòng tu-nhân phát chính, lấy dân làm gốc, lấy nước làm trọng, trong sửa sang văn trị, ngoài chuyên cần võ công, may ra giữ được cơ nghiệp của

tổ tông, thì thần chết cũng được thỏa lòng... vân vân...»

Vua Mạc Mậu-Hợp rất cảm động thương xót, sai sứ về thăm bệnh, bởi việc nước sau này. Trạng chỉ nói:

— Ngày sau có biến cố gì, đất Cao-Bằng dầu nhỏ, cũng có thể hưởng phúc được vài đời nữa!

Ngoài ra không nói một câu gì.

Bầy năm sau, năm Nhâm-Thìn (1592) Mạc Mậu-Hợp bị bắt, toàn cõi thuộc về nhà Lê, lũ Mạc Toàn, Mạc kính Cung, chạy về giữ đất Cao-Bằng, truyền cho Kính Khoan, Kính-Vũ, ba đời được 71 năm quả như lời Trạng giặn.

Đây là kể những việc quan trọng đã được ghi chép lại trên sách vở. Còn hằng ngày, sống đơn giản giữa đại-chúng, giao-tiếp thân mật với họ, tất-nhiên Trạng còn có nhiều cách, nhiều lối giáo-huấn họ, đưa họ dần-dần thực-hiện được lòng nhân, gây được trật-tự từ bản-thân đến gia-đình, xã-hội, nghĩa là đi gần bên lẽ phải.

Như vậy, về chính-trị, Trạng là người

ần ca, là người đi tìm thú nhàn, mà về phương-diện văn hóa đạo đức, Trạng lại là người rất hoạt-động, sống một cuộc đời xã-hội rất đầy-đủ. Trong bốn mươi tư năm giời ra ngoài vòng cương-tỏa, với tinh-tinh và sử sự của mình, Trạng đã gây nên một uy-quyền tinh-thần rất lớn-lao, có ảnh-hưởng sâu-xa đến dân-chúng. Cái ảnh-hưởng ấy còn ăn sâu mãi vào những thế-hệ sau này, như Ôn-định-hầu Vũ Hân-Lân đời Cảnh-Hưng (1740-86) đã viết :

«... *Tiên-sinh truyền đến bây giờ bảy tám đời rồi, mà sĩ-thứ vẫn chiêm ngưỡng như núi Thái-Sơn, sao Bắc-đẩu...*»

Lời viết ấy kể cũng không quá đáng.

CHƯƠNG IV

THƠ PHÚ

Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm còn là một nhà văn-học đại-tài, Trạng để lại cho đời sau được nhiều thơ chữ nho và thơ quốc âm, rất có giá-trị về văn-chương cũng như về phương-diện xã-hội. Những bài thơ ấy không cầu-kỳ, không gọt dũa, chữ dùng tự nhiên, không câu nệ gò-gẫm, nhưng bao hàm rất nhiều ý-nghĩa, đủ cho người đọc nhận thấy tâm-địa tác-giả, giữa tình cảnh xã-hội đương thời. Nó có tính-cách họa hơn là thơ. Theo ông Độn-Phủ Vũ-Phương-Đề chép trong Công-dư Tiệp-ký, Bạch-Vân-Am Thi-tập có những hơn một nghìn bài ; về sau chỉ còn truyền tụng độ hơn trăm bài, và một bài bia quán Trung-Tân mà thôi.

Dưới đây chúng tôi xin trích ít bài thơ của Trạng.

Thơ chữ nho

Khi Trạng làm quan ở kinh, các công-tử ở nhà ham chơi. Không chịu học, Trạng gửi cho một bài thơ quở trách :

父在不遠遊
惟疾父之憂
訓誡人儒重
所豈我爲爲
賢言既不事
聖斯爾胡芥
鷄廬兒毬炙
關韓樹街親
走錢花不
羽鈴覓擊友
金夜晨師
詩書友寇讎

生子既如此
於我復何求
且進一杯酒
聊寫萬古愁

Phụ tại bất viễn du,
Duy tật phụ chi ưu!
Thánh hiền sở thùy huấn,
Tư ngôn khởi ngã vu!
Nhĩ ký sinh vi nhân,
Hồ bất nghiệp vi nho.
Giới vũ sự đấu kê,
Kim linh tẩu hàn lư,
Dạ mịch tiền thu nhi,
Thần kích bao nhai cầu!
Sưu hữu bất bần trá,
Thi thư phản khẩu thù!
Sinh tử ký như thử,
Ư ngã phục hà cầu?
Thả tiến nhất bôi tửu.
Liễu tả vạn cổ sầu:

Dịch:

Cha còn không chơi xa,

Cha yếu lo cho cha!
Lời Thánh hiền dạy lại,
Thực là không dối ta!
Mày đã sinh làm người,
Sao chẳng lo nghiệp nhà:
Đã thích trò đuổi chó,
Lại ham cuộc chọi gà.
Ngày chơi nghề nhảy đá.
Tối tìm thú giăng hoa.
Thầy bạn không chịu gần,
Sách vở coi như là...
Sinh phải con như vậy
Mong cậy gì tuổi già!
Ấu là mượn chén rượu
Tỏ bớt nỗi lo xa. (1)

Bên nhà trạng Bình-Khiêm có một cây thông to. Khi Trạng về tri-sĩ, thường hay chơi mát dưới gốc cây, có cảm đề một bài thơ rằng:

---

(1) Những bài dịch trong này đều của ông Thi-Nham Đinh-Gia-Thuyết đã in trong quyển "THUYẾT MẠC".

長松十丈昂且聳
共卉百與不羣磽
新棟民藥籠穢蔓
一樑衆備鸛棲礧
方充與鬱雙公明
桂充鬱三公堂
右醫與獨風撑
言醫與色不左
琥珀備鸛雙伴郤
萊時娛泉石霜傲
雪霜色動用之則
行舍則藏誰云材
大難爲用

Tràng tùng thập trượng ngang thả tủng.
Khối lỗi bất dĩ bách hủy công.
Minh đường chế độ phương nhất tân.
Tả xanh hữu tru sung trương đống.
Nhược ngôn y quốc dĩ y dân.
Thần linh hồ phách bị dược lũng.

Lão lai khước bạn song hạc thê,
Thiếu thi tằng ký tam công mộng.
Tự ngu tuyền thạch phong độc cao,
Tràng ngạo tuyết sương sắc bất động.
Dụng chi tắc hành sả tắc tàng.
Thùy vân tài đại nan vi dụng.

Dịch :

Thông kia trót vót cao trăm thước,
Ngay thẳng, không giống các cây khác;
Kiểu mẫu minh đường khi đổi thay,
Cột dọc sà ngang tài chống vác.
Về phần bổ dưỡng cho quốc dân,
Hổ-phách thần linh đủ tinh dược.
Thuở trẻ còn nhớ mộng Tam-công;
Khi già vui cùng bạn song-hạc.
Sắc tốt không nhuốm vẻ tuyết sương
Thói cao chỉ thích miền non nước.
Dùng đến thì làm bổ thì thôi,
Ai bảo tài lớn không dụng được!

Trạng Bình-Khiêm có một ông bạn người làng Cao-Xá, làm quan Phủ tá Khoái-Châu, tương biệt đã lâu năm. Trạng gởi một bài :

相逢乱後老相催
纔絡離情酒數杯
夜靜雲庵誰是伴
一窗明月照寒梅

Tương phùng loạn hậu lão tương thôi,
Khiên luyến ly tình tửu số bôi ;
Dạ tĩnh vân am thùy thị bạn,
Nhất song minh nguyệt chiếu hàn mai.

Dịch :

Sau khi loạn gặp đã già rồi.
Ấy nâng tình xa rót chén mời ;
Đêm vắng am mây ai bạn nhỉ ?
Chòm mai trước cửa bóng giăng soi.

Trạng Bỉnh-Khiêm gửi cho học trò Nguyễn-Quyện một bài khuyên :

道非身外豈難尋
況又相期志氣深
君父綱常千古在
爹忠誓不負初心

Đạo phi thâa ngoại khởi nan tầm,
Huống hựu tương kỳ chí khí thâm,
Quân phụ cương bàng thiêu cổ tại,
Hiếu trung thệ bất phụ sơ tâm.

Dịch :

Đạo ở mình ta có khó gì ?
Phương chi chí khí đã tương kỳ ;
Nghìn năm quân phụ cương thường đó.
Trung hiếu một lòng chớ đổi đi !

Trong khi dưỡng nhàn ở Bạch-Vân am Trạng có cảm ngâm những bài sau này ;

寓興

峯二十前門亢突
煙花欵郡露秋容
椅樓一望知山意
辰送青來千萬重

Ngụ hứng

Đột ngột môn tiền thập nhị phong,
Yên hoa liễm khước lộ thu dung ;
Ỷ lâu nhất vọng tri sơn ý,
Thời tống thanh lai thiên vạn trùng.

TUYÊT-GIANG PHÚ-TỪ

Dịch :

Trước cửa mười hai ngọn núi chồng.
Yên hoa giàu-giải vẻ thơ-dung,
Tựa lầu trông núi hay cho núi,
Lấp loáng mầu xanh mấy vạn trùng.

秋思

昨夜金風一陣吹
閒亭兀坐動秋思
雲邊雁過渾無數
天上月明應有期
光景逐人似成來晚矣
危時憂國髮歸矣絲
田園自笑是故知猶存
松菊

Thu tứ (ý thu)

Tạc da kim phong nhất trận suy,
Nhàn đình ngột tọa động thu ti ;
Vân biên nhạn quá hồn vô số.
Thiên thượng nguyệt minh ưng hữu kỳ;
Quang cảnh thục nhân niên tự thiểu
Nguy thì ưu quốc mấn thành ty,

Điền viên tự tiếu quy_lại vãn
Tùng cúc do tồn thị cố tri.

Dịch :

Hiu-hắt đêm qua trận gió vàng,
Ngồi buồn như gợi tấm lòng thương :
Sáng soi mặt đất giăng bao độ.
Bay liệng bên mây nhạn mấy hàng.
Cảnh giục, tuổi giời nhanh tựa đạn;
Lòng lo, mái tóc bạc như sương:
Cười mình vườn cũ quay về muộn,
Tùng cúc còn đây cảnh cố hương.

偶成

竭誠誓欲報君王
暫許馳驅効寸長
肯作枯槹隨世態
休誇鉛粉鬪時粧
一園春老嬌花酔
三經秋高晩菊香
爲報流鶯蕉敏舌
莫穿好樹弄笙簧

TUYET-GIANG PHU-TỬ

Ngẫu thành

Kiệt thành thệ dục báo quân **vương,**
Tạm bửa tri khu hiệu thốn **trường** ;
Khẳng tác cát cao tùy thế thái,
Hưu khoa duyên phấn đấu thời **trang;**
Nhất viên xuân lão kiều **hoa túy,**
Tam kính thu cao vấn cúc **hương** ;
Vị báo lưu oanh **ưng** liễm thiệt.
Mạc xuyên hảo thụ lộng sinh **hoàng.**

Dịch :

Hết lòng thề báo nghĩa quân vương,
Rong ruổi từng mong giải sở trường.
Gầu cuốc không thèm theo thế thái,
Phấn son thôi chẳng học thời trang,
Một vườn xuân tới hoa say nhị,
Ba lối thu về cúc lựng hương.
Nhắn bảo chim oanh khoan tiếng hót
Trên cành âu sẽ bớt sênh sang.

自述

萬里鯤溟早奮身
窮時聊且戲修鱗
昔聯金馬玉堂客
今伴青山碧水人

醉裡琴棋長度日
閑中花草足供春
斜陽獨立都無事
笑倚東風岸幘巾

Tự thuật

Vạn lý côn minh tảo phấn thân,
Cùng thi liêu thả chấp tu lân ;
Tích liên kim mã ngọc đường khách,
Kim bạn thanh sơn bích thủy nhân.
Túy lý cầm kỳ trường độ nhật,
Nhàn trung hoa thảo túc cung xuân ;
Tà dương độc lập đô vô sự,
Tiếu ỷ đông phong ngạn trích cân.

Dịch :

Cá côn vùng vẫy bấy lâu nay,
Gặp phải khi cùng chịu chắp vây.
Trước, bạn ngựa vàng thềm ngọc đó.
Giờ, vui nước biếc núi xanh này.
Cầm kỳ khiến hứng cơn say tỉnh,
Cây cỏ tiêu dao cảnh tháng ngày ;
Dỗi việc thần thơ khi bóng sế,
Khăn đầu phất phới gió Đông bay.

寓意

才不愧扶危溺救
來歸重約有園故
大名聲恐只身潔
催病老知那酔劇
疲轉青容秋帶山
猜相白影月涵江
事無都邨了關機
日盡門柴館津開

Ngụ ý

Cửu nịch phù nguy quý bất tài,
Cố viên hữu ước trọng quy lai
Khiết thân chỉ khủng thanh danh đại,
Kịch túy na tri lão bệnh thôi ;
Sơn đới thu dung thanh truyền xấu,
Giang hàm nguyệt ảnh bạch tương sai ;
Cơ quan liễu khước đô vô sự,
Tân quán sài môn tận nhật khai.

TUYET-GIANG PHU-TU

Dịch

Cứu vớt không tài luống hổ ngươi !
Hẹn hò vườn cũ trở về thôi !
Sạch nhiều những sợ danh to quá,
Say mãi nào hay bệnh lão rồi.
Núi lẫn màu thu xanh hóa nhạt,
Sông in vẻ nguyệt trắng hòa hai.
Việc đời xong đoạn không còn vướng
Xuốt buổi lều gianh mở cửa hoài.

Khi Trang ở nhà, thân-thích hương quan đi lại bỏi han luôn. Trạng ứng tiếp mỏi mệt, nhân ngâm một bài tỏ ý :

不才誤被袞龍褒
玩惕區區謾自勞
寔學未能孚士望
虛名空笑取時嘲
人榮簪笏同年友
我愛松筠晚歲交
誰是誰非休說著
青雲爭似白雲高

Bất tài ngộ bị cổ long bao,
Noan kiệt khu khu mạn tự lao.
Thực học vị năng phu sĩ vọng,
Hư danh không tiếu thủ thời trào;
Nhân vinh trâm phất đồng niên hữu,
Ngã ái tùng quân vãn tuế giao.
Thùy thị thùy phi hưu thuyết trước,
Thanh vân tranh tự bạch vân cao.

Dịch :

Chẳng tài ơn đội được thân vinh
Săn sóc làm chi luống bận mình;
Thực học đủ đâu cho kẻ trọng,
Hư danh càng tổ khiến người khinh.
Người vui trâm hốt đua bè bạn,
Ta thích tùng quân dưỡng tính tình.
Phải trái mặc đời thôi chẳng nói,
Ai rằng mây trắng kém mây xanh.

Khi làm xong quán Trung-Tân trên sông Tuyết giang, Trạng có ngụ hứng bốn bài thơ và soạn một bài văn khắc vào bia. Bốn bài thơ như sau :

TUYET-GIANG PHU-TU

I

休 未 苦 戈 干 目 滿
遊 閒 覓 腹 餘 承 暫
衍 鬼 多 壁 燕 樓 樓
由 許 幾 山 箕 寂 寂
氣 樓 志 憂 我 憂 得
樓 書 憂 先 豈 通 衰
千 上 光 搖 新 劍 窮
三 春 暖 入 舊 書 樓
老 來 未 艾 先 憂 志
得 衰 窮 通 豈 我 憂

Mãn mục can qua khổ vị hưu,
Tạm thừa dư hạ mịch nhàn do ;
Thê thê yến bích đa Khôn Diễn,
Tịch tịch Cơ sơn kỷ Hứa Do ;
Thiên trượng quang giao tân kiếm khí,
Tam xuân hoãn nhập cựu thư lâu.
Lão lai vị ngải tiên ưu chí.
Đắc táng cùng thông khởi ngã ưu.

Dịch :

Can qua giải-giắc đến bao giờ,
Tìm chốn an nhàn tạm nhởn nhơ ;

Yên-bich biết bao Khôn, Diễn đó,
Cơ-sơn nào thấy Hứa Do xưa ;
Khi quang nghìn trượng mài thanh kiếm,
Hơi ấm ba xuân lọt gác thơ,
Già cả, vẫn lo thiên hạ sự,
Càng, thông, đắc táng cũng coi thừa

II

埃開泊來
點江村客
半傍漁野
無日向隨
渾盡晚香
室門舟藪
虛紫漁野
亂世苟至知有幸
危時弘濟愧無才
乘閒卻借東風力
留取春光入壽杯

Hư thất hồn vô bán điểm ai,
Sài môn tận nhật bạng giang khai,
Ngư chu vãn hướng ngư thôn bạc,

TUYET-GIANG PHU-TU

Giã tầu hương tuỳ giã khách lại ;
Loạn thế cầu toàn tri bữu hạnh.
Nguy thì hoẵng thế quý vô tài.
Thừa nhàn khước tá đông phong lực
Lưu thủ xuân quang nhập thọ bôi.

Dịch :

Nhà không, không bợn chút trần ai,
Suốt buổi bên sông mở cửa sài,
Cỏ nội hương thơm đưa khách nội,
Thuyền trải hôm đến đậu khe trải,
Yên thân buổi loạn là may lắm.
Giúp nước đời nguy thẹn chẳng tài.
Mát mẻ gió đông khi dỗi việc,
Ngày xuân chuốc chén thọ đầy vơi

III

一頃寒江是雪金

吟 靜 深 徑
行 厨 院 有
伴 僧 道 知
屋 藥 香 來
結 煮 焚 風
邊 泉 地 下
江 汲 掃 松
邊 泉 地 下
竹

漁翁不遇桃源客
豈識興亡世古今

Nhất khoảnh Hàn giang thị tuyết kim
Gang biên kết ốc bạn hành ngâm,
Cấp tuyền chử được tăng trù tĩnh,
Tảo địa phần hương đạo viện thâm.
Tùng hạ phong lai tri hữu kính,
Trúc biên nguyệt đáo khước vô tâm
Ngư ông bất ngộ đào nguyên khách
Khởi thức tương vong thế cổ kim.

Dịch :

Hàn giang một giải tuyết pha vàng,
Dựng túp lều thơ tựa bến dương,
Cảnh vắng suối trong đun nước thuốc,
Am sâu đất sạch thắp tuần hương.
Dưới thông len lỏi theo luồng gió,
Bên trúc thờ-ơ với ả Chường.
Vì trước Đào nguyên không gặp khách
Cõi đời sao biết cuộc hưng vương ?

IV

數問江館俯江津
水國微茫兩岸分
風穩帆歸寒浦月

雲山遠見龍晴天
照陽斜影厨村漁
聞夜半聲鍾寺野
點檢行年逾七十
君亡豈散衰緣只

Sổ gian giang quán phủ giang **tân,**
Thủy quốc vi mang lưỡng **ngạn phân**
Phong ổn phàm quy hàn phố **nguyệt**
Thiên tlab long hiện viễn **sơn vân.**
Ngư thôn trù ảnh tà dương **chiếu;**
Giã tự chung thanh bán dạ **văn.**
Đềm kiểm hành niên du **thất hập.**
Chỉ duyên suy tán khởi **vong quân**

Dịch :

Nhà ở bên sông ngảnh xuống sông,
Hai bờ xa cách nước mênh mông.
Gió im buồm chạy theo vầng nguyệt
Giời lạnh mây tuôn hiện vẻ rồng.
Bóng lửa thuyền ngư chen ác sẻ,
Tiếng chuông chùa nội lắng đêm đông.
Bảy mươi tính tuổi ta già nhỉ,
Há phải rằng quên đức cửu trùng!

Bài văn bia

鮮肥夫而人施視癡心推
飽乘餓吝行不是如之而
濃輕溝金宿蓋利狂善犢
醉衣轉一路一惟如爲嘉
津斯善歸
中取其其
名斯卽卽
館義中津

喪桑稟危消規
降秉氣惟消規
帝具拘欲沒營
上人自從沒營
僻非生期
泰題奢飾
之疑之糢
廡悅雀臟
淫遑貴富
堂畫牀薪

人希極爲明宜小之愚迷子思義碑
何賢聖爲小之愚迷子思義碑
則企造推訓爲謂自智復識行此看
其所甚我善於惡爲曰一謹謂自智復識行此看
造所甚我善於惡爲曰一謹謂自智復識行此看
欲求在古誠勿而曰一必勿而曰一有力顧尙
求在古誠勿而曰一必勿而曰一有力顧尙

定離途岐人茲敬欺恭隨信偲道私技之
有弗正他待在盡欺恭隨信偲道私技之
止次屢惑曰茲父君友唱有劫此我之已
知造坦不行念事兄夫交劫善得有有

TUYỆT GIANG PHU-TỪ

Thượng đế giáng trung,
Nhân cụ bỉnh di,
Tự cầu khí bẩm.
Tòng dục duy nguy,
Một một cốt cốt,
Doanh doanh quy quy,
Dâm ư tà tích,
Hoang tri kỳ phi,
Quý tắc kiêu sinh,
Phú tắc sỷ kỳ,
Đường Vũ chi thái,
Họa thuế toàn đề,
Táo phũ chi sa,
Tân lạp khưu di,
Túy nùng bão tiên,
Ý khinh thừa phi.
Truyền câu ngã phu,
Nhất kim lậu nhi,
Lộ tức hành nhân.
Nhất cái bất thi !
Duy lợi thị thị,
Như cuồng như si.
Vi thiện chi tâm,
Thục khoáng nhi suy,
Quán dạnh *Trung Tân*,

Nghĩa tỉ (tư) thủ tỉ,
Trung tức kỳ thiện,
Tân tức kỳ quy,
Tri chỉ hữu định,
Tháo thứ phất ly,
Thản lý chỉnh đồ,
Bất hoặc tha kỳ.
Hành kỷ đãi nhân,
Niệm tư tại tư (tỉ)
Sự phụ tận kính
Sự quân vật khi,
Huynh hữu đệ cung
Phụ xướng phụ tùy,
Giao hữu chỉ tín,
Thiết thiết tỉ tỉ,
Niệm thử thiện đạo,
Phi ngã đắc tỉ (tư).
Nhân chi hữu kỷ,
Nhược kỷ hữu chi,
Thánh hiền hà nhân ?
Dục sí tắc hy,
Cầu tháo kỷ cực,
Tai suy sở vi.
Cổ huấn thậm minh,
Thành vi ngã nghi.

Vật vị thiện tiễn,
Tất cầu ư vi,
Vật vị ác tiểu,
Nhi tư vi chi.
Viết trí viết ngu,
Nhất phục nhất mê,
Hữu thức quân tử,
Lực bành thẩm tỉ (tư)
Cố thử danh nghĩa,
Thượng khán tư bi.

Dịch là :

Đức Thượng đế sẵn lòng phú giữ,
Người ta ai cũng đủ di-luân ;
Sau khi đã nhiễm tục trần,
Một lòng dục thắng muôn phần lý vong,
Thói là tích hoang dâm lưu tệ,
Còn biết đâu như thế là sằng,
Sang thì quen thói kiêu căng,
Giàu thì sa sỉ há rằng một ai,
Sửa sang những tường dài nhà rộng,
Nào kẻ hoa trạm bóng vẽ vời ;
Đường đem chát chỗ đồ sôi,
Sắp đem làm cửi đủ mùi xa-hoa !
Ăn uống phí, tiêu pha lại quá,
Nào khinh cừu, phi mã ruổi-rong ;

Thấy ai đói chết mặc lòng,
Tiếc từ nửa chữ một đồng chẳng cho.
Đường gặp kẻ nằm co lạnh lẽo.
Rét mặc thây, manh chiếu chẳng đời;
Chỉ cầu lấy lợi mà thôi,
Tấm lòng «vi thiện» mấy người biết suy.
«Trung Tân» lấy nghĩa gì mà đặt?
Cũng là theo nghĩa thật suy ra:
«Trung» là lòng thiện người ta;
«Tân» là chốn thiện ai là chẳng nơi;
Người ta đã biết nơi sở chỉ,
Dẫu trong khi thảo thức chẳng dời:
Bước đường ngay thẳng hẳn-hoi,
Không hề sai lạc ra ngoài «Trung Tân».
Hành kỷ thế, đãi nhân cũng thế,
Nghĩ đời cơn, bụng để đời cơn;
Thờ cha hết đạo làm con,
Thờ vua phải giữ cho tròn đạo tôi.
Anh phải thuận em thời phải kính,
Chồng bàn ra, vợ thính lòng ngay:
Bạn bè giao kết xưa nay,
Lòng tin chớ có đổi thay tấm lòng.
Ngẫm thiện đạo lẽ hằng sau trước,
Không phải mình ta được riêng tây.

Thấy người ta có điều hay,
Cũng như mình có, lòng này chớ ghen,
Muốn theo kịp thánh hiền chẳ khó.
Cốt suy ra lòng đó mà thôi ;
Cổ nhân dạy đã hết lời,
Thực làm khuôn phép muôn đời cho ta.
Chớ thấy thiện nhỏ mà khinh bỏ,
Cũng đừng coi ác nhỏ mà làm ;
Kém hơn phân biệt rõ ràng :
Một đàng là trí, một đàng là ngu.
Bậc quân tử đã dư kiến thức,
Càng thầm tư, hành lực mới hay :
Danh kia cùng với nghĩa này,
Ai ơi nên nhận bia đây cho tường !

Thơ quốc âm

Cũng như thơ chữ nho, thơ quốc âm của Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm rất tự nhiên, không điêu luyện, không cứ niêm luật, giản mà đủ ý, nhạt mà có vị. Kể về nghệ-thuật, những bài thơ ấy còn có giá-trị hơn những thơ nôm đời Hồng-đức và đời Lê Trung-Hưng sau này nhiều lắm. Hơn nữa, những bài thơ ấy lại có tính cách rất phổ thông, đọc rất dễ

hiểu, đàn bà con trẻ xem cũng biết được ý nghĩa khuyên răn của tác giả. Ta có thể gọi đấy là những thơ giáo-dục. Tuy nhiên, thơ của Trạng không vì thế mà giảm giá đâu. Trái lại, lời thơ mộc mạc mà không tầm thường, ý thơ thiết thực mà không sáo, vẽ dáng hiện cảnh xã hội mà không nhàm, gợi nỗi lương tâm trong lòng người mà không làm cho người ta tức giận... Như thế tưởng đối với quốc văn, Trạng cũng có công nhiều lắm; mà trong lâu đài quốc-văn, Trạng cũng có công nhiều lắm; mà trong lâu đài quốc-văn, Trạng cũng rành được một địa vị đặc biệt. Dưới đây xin sao lục ít bài thơ ấy.

I

Thói đời

Vụng khéo nào ai cũng có thì,
Khó khăn phải lụy đến thê nhi.
Được thời thân thích chen chân lại,
Thất thế bươn lơ ngảnh mặt đi.
Thớt có tanh tao ruồi mới tới,
Gang không mật mỡ kiến bò chi?
Đời này những trọng người nhiều của,
Bằng đến tay không, ai kẻ vì?

II

Cảm hứng

Giầu khó hèn hay chín phận mình,
Đầy đường gai góc biếng đua tranh,
Cơm ăn chẳng quản mùi sa, bạc,
Áo mặc nề chi tấm rách lành.
Ôm gối mòng nhiều người ẩn-dật,
Bậu lòng lại tưởng cái công danh;
Cho nên nấn-ná trong lều cỏ,
Hong mát ngồi xem buổi thái bình...

III

Dửng dưng mọi sự gác bên ngoài,
Dù kém dù hơn, ai mặc ai.
Mùi trải thế-gian nhiều mặn nhạt,
Đường qua danh lợi lắm chông gai
Mấy người phú quý hay yên phận,
Hễ kẻ anh hùng mấy cậy tài.
Dù thấy hận sinh thời dễ sợ,
Sừng kia chẳng mọc, mọc bên tai.

IV

Đạo đức hiền hay mến khó khăn,
Quyền môn chốn ấy biếng chen chân.

Hứng thừa phong nguyệt chè ba chén,
Thú sẵn thanh nhàn rượu mấy tuần.
Quét sạch cửa nho chờ khách đến,
Vun giồng cây đức để con ăn,
Được thua phú quý đều thiên mạnh,
Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn.

V

Mảng chê người ngắn cậy ta dài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai,
Mùi nọ có bùi không có ngọt,
Thức kia càng thẩm lại càng phai.
Dù hay phận sớm nên yên phận,
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài,
Quân tử ẩm hay nơi xuất xử
Hẳn là hơn hết cả hòa hai.

VI

Nước non nào phải của ai đâu,
Nhiều ít công tư cũng mặc dầu,
Khó chẳng dở dang, khôn chẳng luỵ,
Được chăng bạo bực, mất chăng âu,
Anh hùng người lấy tài làm trọng,
Ẩn-dật ta hay thú có mầu.
Ngẫm ấy ai phò vạc Hán ?
Đồng giang dũ một cần câu !

VII

Người dữ thời ta miền có lành,
Làm chi đo đắn nhọc đua tranh.
Cửa vương nhện nhận vi vẳng,
Thoi quyến ruồi ấy bởi tanh.
Nhiều khách xuân xanh trường phú quý,
Mấy ai đầu bạc hội kỳ anh.
Đã ngoài mọi việc chăng còn ước;
Ước một tôi hiền, chúa thánh minh.

VIII

Giàu người họp, khó người tan,
Thói ấy bằng lề sự thế-gian,
Vốn tính quen bề đạm-bạc,
Co thân thời chửa thiên vàn,
Nhà chẳng của, liêu con nước, (?)
Người rằng ta khó thể quan, (?)
Bàn tiếng dữ lành bao đáp,
Mặc ai chê, miễn mặc ai đàn.

IX

Một cơ yên nhọc đổi lại điều,
Yêu bao nhiêu thời nhọc bấy nhiêu,
Tham, phải cái công danh lụy,
Muốn, cho con tạo hóa trêu.
Vui vầy Lạc, Đỗ năm ba khách...
Lánh chốn Nam Dương ở một liều.

X

Lẫn lữa ngày qua, lại tháng qua.
Một phen xuân tới một phen già.
Ái ưu rỡ rỡ, giăng in nước,
Danh lợi lưng lưng gió thổi hoa.
Án sách bẫu cò : án sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.

XI

Gần son thời đỏ, mực thời đen,
Sáng biết nhờ ơn thuở bóng đèn,
Ăn nống miễn theo nơi phép tắc,
Tới lui cho biết lễ kinh quyền.
Chẳng, nên mặc thế người lành dữ,
Giáo dở, khôn ai thói bạc đen.
Ở thế có khôn tới có khó.
Chữ rằng : « vô sư tiểu thần tiên » !

XII

Làm người hay một họa hay hai,
Chớ cậy rằng hơn chớ cậy tài,
Trực-tiết cho bền, bằng sắt đá,
Đi đường ngẫm biết chốn chông gai.
Sự thế khá yêu là của khá,
Đời co ai dễ kém cười ai ?

Miệng người tựa mật mùi càng ngọt,
Đạo thánh bằng tơ vuốt hãy dài...

Những bài thơ của Trạng, chữ nho cũng như quốc âm, ngoài sự đã giãi-tỏ được tâm sự tác-giả, còn có giá trị chinh nữa là đã được ít nhiều hiện-trạng sinh hoạt bấy giờ. Cả một sự-trạng vụ lợi, ta thấy hiện ra trong thơ. Từ trên đến dưới, ai ai cũng chỉ nghĩ đến tư-kỷ mà quên mất cả tình-cảm thiêng-liêng của loài người Kẻ giầu sang thì kêu-căng sa-sỉ, ăn chơi vô-độ, ở nhà tường cao, sà trạm-trổ tinh-vi, ăn thì cao lương mỹ vị, chỉ tìm cách sướng lấy thân mình, còn ngoài ra sống chết mặc ai, không cuút bợn lòng, không bề bố thí nửa đồng nửa chữ, mụn vải thừa, manh chiếu rách. Kẻ trung bình thì chỉ biết chạy đồ sô vào với những kẻ giầu sang mà khinh rẻ bọn nghèo hèn. Bọn nghèo hèn lại cũng cố phải bợ đỡ những kẻ hơn mình. Vì thế cho nên :

Được thời thân thích chen chân lại,
Thất thế, hương lư ngảnh mặt đi !

Lợi đã là động-lực duy-nhất trong

xã-hội, người ta phải tìm đủ phương-kế mà kéo lấy lợi về mình. Rồi vì lợi mà lừa gạt nhau, tranh giành nhau, lấn át nhau, mà dần dần những tình-cảm giúp báu trong lòng biến đi để nhường chỗ cho những mưu mô quỷ quyệt, những thủ đoạn hại người. Nhân nghĩa đạo đức mất hết, người ta cứ xa dần thiên-tính.

Đau lòng vì quang-cảnh trái tự-nhiên, trái lẽ thường như vậy, và tự bồ thẹn không đủ tài và đủ quyền vãn-hồi lại được, Trạng Bình-Khiêm mượn lời thơ để soi rõ những chỗ xấu xa bèn kém kia, đánh dấu lấy những tập quán đồi-tệ, mong khêu gợi thiện căn trong lòng người, lay thức người đời quay về với thiên tính, với lẽ phải thông thường. Một thứ thơ đặc biệt vừa bộc lộ, vừa thấm thía, đủ cả tả cảnh tả tình và ngụ ý, lời ít mà để cho người ta suy nghĩ ra nhiều.

Đấy là thứ thơ phụng sự nhân sinh, dựa nơi tình cảm để gây thêm sức mạnh cho cuộc sống còn của giống nòi.

CHƯƠNG V

DẬT SỬ

Phần đông dân chúng nước ta đều biết đến Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm vì nhớ được những việc Trạng đã tiên tri cứ lần lượt sảy ra đúng như vậy, cách hàng mấy trăm năm sau. Cho nên ngày nay hai tiếng « sấm Trạng » đã thành hai tiếng quen thuộc ở cửa miệng mọi người.

Những câu sấm ấy có thật đúng không ? Và người ta có thể tiên-tri được như vậy không ?

Đối với vấn đề này, chúng tôi thật không đủ thẩm-quyền giải-đáp. Đó thuộc về phạm-vi thần-bí. Ta phải đợi đến ngày khoa-học đưa loài người khám phá được hết bí ẩn ở nội-giới con người và ở ngoài vũ-trụ mới mong sác-định vấn đề ấy một cách minh bạch ổn-thỏa. Song

chúng tôi cũng có thể quan niệm một bậc thượng trí đã tinh thông dịch-lý, thấu-triệt lẽ dịch hóa ở vũ trụ, tất có thể đem tinh thần cá nhân hợp nhất với phần đại-ngã, tức là vũ-trụ, cảm thông với vũ-trụ, mà nhận thấy những độ soay-chuyển ở Tạo-vật, nó phát hiện ra những động-tác trên xã hội loài người. Vì vạn vật, vạn sự ở vũ-trụ luân chuyển, biến hóa vô cùng, hoặc thuận, hoặc nghịch cũng đều phải chung vào một lối : *duy nhất nhất thể*. Vậy thì những lời sấm ký chưa chắc đã là không hẳn, nên chúng tôi xin thuật mấy truyện sau đây để làm tài liệu kê cứu và phê phán. Những truyện này, nếu đúng thật, cũng chỉ là thứ trò chơi của Trạng :

1°) — Một hôm Trạng Bỉnh-Khiêm cùng học trò là Trương-Thời-Cử bói dịch, được quẻ Càn động hào Sơ-cửu, liền bút đoán rằng :

卦龍後重江
純潛之重寶
乾週世起聚
得九入戈江
卜初我笑牛
大人居正中

Bốc đắc càn thuần quái,
Sơ-cửu ngộ tiềm long,
Ngã bát thế chi hậu,
Binh qua khởi trùng trùng.
Ngưu giang tụ Bảo giang
Đại nhân cư chính trung

dịch :

Bói gieò được quẻ Càn-nguyên,
Động hào Sơ-Cửu rồng còn náu hơi.
Sau ta đây nữa tám đời,
Nổi cơn binh lửa, khắp nơi chiến trường
Ngưu giang hợp với Bảo giang,
Đại nhân chính vị, bốn phương một nhà.
Người sau cho quẻ ấy đúng vào việc
Tây-Sơn làm loạn, khắp trong Nam, ngoài

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE RF

Rắc chỗ nào cũng có binh lửa, sau đến vua Gia-Long ra nhất thống thiên-hạ, ứng vào câu « Đại nhân cư chính trung ».

2°) — Trang Bình-Khiêm có một người học trò họ Bùi, người làng Trung-hàng huyện An-dương (bây giờ thuộc tỉnh Kiến an) rất thông hiểu việc quan lại. Trạng thường bảo :

— Anh ngày sau tất nhiên phát-đạt !

Không ngờ Bùi-sinh lận đận mãi, ngoài năm mươi tuổi mà vẫn chưa làm nên công nghiệp gì, có ý không vui, thường nói vụng với bạn môn-sinh rằng :

— Thày ta vốn minh đạt tiên-tri, nhưng cũng còn chỗ nhầm, nghiệm như việc của tôi đấy !

Trạng nghe biết cười thầm mà không nói năng gì cả. Một hôm cho gọi Bùi sinh đến giận rằng :

— Vận đạt của anh đã tới, anh cứ mượn lấy mười chiếc thuyền, chực sẵn ngoài cửa bể Vạn-ninh, trên Đầm-Hồng, đến ngày giờ ấy, gặp vật gì trôi, cứ vớt lấy mà mang về. Tiền trình phát đạt của anh ở đó !

Bùi sinh vâng lời, nhưng trong bụng vẫn không tin.

Đúng kỳ hẹn quả nhiên thấy có vật trôi ở giữa giòng, Bùi sinh đem thuyền đón vớt, thì là một bà lão tóc bạc phơ, bám vào một cây gỗ. Bùi sinh vớt lên cứu sống được, đem về phụng dưỡng như mẹ già vậy.

Được mấy hôm, quan Tổng-Đốc Quảng-Đông sai sứ đem thư sang nói với Triều-đình Mạc: Bên ấy có Thái Phu-nhân đi chơi bể bị đắm thuyền, xem tinh tượng giạt về phương Nam, xin Nam-triều vì tình lân bang ra lệnh tìm giúp. Vua Mạc yết bảng cho dân duyên hải đều biết và trọng thưởng cho người nào tìm được.

Bùi-Sinh xem bảng, lập tức đem bà lão vào Triều, sứ Tầu cả mừng đưa rất nhiều vàng bạc gấm vóc tạ ơn, lại xin nhà vua phong quan tước cho Bùi-Sinh.

Sau Bùi-Sinh làm đến Thượng-thư Thao quận công, phú quý vinh hoa, đúng như lời Trạng nói.

3. — Trạng tinh đến đời thứ bảy thì con cháu sa-sút, khi sắp lâm chung viết một bức thư để vào ống tre đậy nắp kín, gắn trám đường, cấm con cháu không được mở ra xem, sai biên vào gia-phả dặn cháu đến đời thứ bầy, giờ ấy, ngày ấy, năm ấy, sẽ đem trình quan Huyện sở tại. Con cháu vâng lời; đến cháu bầy đời là Thời-Đương, nhằm đúng năm, tháng, ngày, giờ đem ống di-thư lên trình quan. Quan Huyện đang nằm trong tư thất, nghe nói có di-thư của cụ Trang-Trinh, vội vàng ra tiếp. Vừa ra khỏi thì cái sà nhà rơi vào chính giữa chỗ nằm! Quan Huyện lấy làm may quá. Khi tiếp thư mở ra đọc, chỉ thấy có mấy chữ rằng:

我救爾上棣之厄
爾救我七世之孫

«Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách, nhĩ cứu ngã thất thế chi tôn.»

Nghĩa là: Ta cứu ngươi cái ách sà rơi, ngươi nên cứu cháu bầy đời của ta.

Quan Huyện cảm phục vô cùng, từ đấy chu cấp cho người cháu thứ bảy đời của Trạng rất tử tế.

4 — Trong năm Minh-Mạnh thứ 14 (1833). Ở Hải-dương, có giặc tự xưng là con cháu Trạng Trình. Nhân bấy giờ có câu sấm truyền rằng:

嘉隆二代永賴爲王

Gia Long nhị đại, Vĩnh lại vi vương.

Nghĩa là: đời thứ hai Gia Long, người ở Vĩnh-lại làm vua. Vĩnh-lại tức là huyện Trạng Trình. Triều-đình chiếu cho quan Thự Tổng-đốc Hải-dương là Nguyễn-Công-Trứ đem quân về làng Trung-Am khám xét và huỷ đền thờ Trạng ở nền cũ Bạch vân. Ông Trứ phụng mệnh đem quân đến phá đền, thấy có bia dựng ở cửa đền khắc mấy chữ rằng:

毀我祠者不得預於期文

« Huỷ ngã từ giả, bất đắc dự ư tư văn.

Nghĩa là: Phá đền thờ của ta ấy, không được dự vào hàng tư-văn.

Ông Trứ cũng coi là thường, cứ sai

quân vào phá. Khi giỡ đến nóc đền chính, lại thấy có mấy chữ khắc rằng:

« *Minh-Mạng thập tứ, thằng Trứ phá đền, phá đền thì lại làm đền, nào ai cướp nước tranh quyền gì ai!* »

Ông Trứ có ý sợ, truyền quân thôi không phá nữa, rồi về kinh tâu vua Minh-Mạnh xin làm lại đền. Sau bắt được tên giặc tra ra không phải là dòng dõi Trạng.

5. — Mộ Trạng táng ở làng Trung-am, bên mộ có bia đá khắc mấy chữ rằng:

« *Bố con thằng Khả đánh ngã bia tao, phạt cổ tiền tam quán* ».

Dân làng bấy giờ đều không hiểu ý. Sau lâu ngày cát bồi lấp bia, không còn trông thấy chữ. Đến đời Thiệu-Trị (1841-1847), có hai bố con người đánh chuột tên là Khả, đào đất bắt chuột đánh đổ bia, dân làng đến xem thấy chữ khắc rành rành, đều kinh phục, bèn bắt phạt bố con tên Khả ba quan tiền, và bắt phải dựng bia lại y như cũ. Nhưng nó chỉ có một quan tám tiền, xin nài mãi, và sau dân làng thấy chữ *tam quán* là quan

tâm nói lái lại, phải bằng lòng nhận vậy.

6. — Trạng có làm một ngôi mộ bình dương, đào hai huyệt, huyệt bên tả chôn tiều có cốt, huyệt bên hữu để tiều không, cũng không đắp nấm. Trong năm Thiệu-trị thứ tư (1844), có thày địa-lý chính tông bên Tàu sang làm đất, xem đến ngôi đất ấy muốn để. Có người nói đã có ngôi mộ của cụ Trạng Trình để ở bên tả. Thày địa cả cười bảo mọi người rằng:

— Nghe nói Trạng Trình thánh địa lý mà điểm huyệt còn nhầm lắm...

Rồi chỏ vào huyệt bên hữu, thày nói tiếp:

— Huyệt này không để, lại để huyệt kia, thực là không có mắt!

Bèn bảo nhà chủ khai huyệt bên hữu, đào được mấy thước thấy có tiều, thày địa xem xét một lúc, nhận là tiều không; sai cứ đào. Đến lúc đào được tiều, mở ra xem thì quả không có cốt, chỉ thấy một viên gạch có khắc mấy chữ rằng:

此地三百年前脉行于左
三百年後脉行右何謂聖
人無目

« Thử địa, tam bách niên tiền mạch hành vu tả, tam bách niên-hậu mạch-hành vu hữu, hà vị thánh nhân vô mục ?

Nghĩa là : Đất này ba trăm năm trước, mạch đi bên tả, ba trăm năm sau, mạch đi bên hữu. Sao lại bảo Thánh nhân không có mắt ?

Thày địa cả sợ nói :

— Thế thời thật là Thánh !

* * *

Ngoài những câu truyện thuật trên đây, ngày nay người ta còn kể đến rất nhiều những câu sấm của Trạng ứng vào thời này, đại để như *cây lửa dưới sông* là cái tàu thủy, *chỉ vắt ngang giời* là giây thép vân vân. Nhất là những câu mà người ta cho là rất hợp vào thời cuộc ngay nay lại càng được nhắc đến và bàn tán để hòng tìm ra kết quả của cuộc đảo lộn còn đương diễn nửa chừng. Nào :

龍尾蛇頭苦戰爭
干戈處處起刀兵

馬蹄半脚英雄盡
申酉年來見太平

Long vĩ sà đầu khổ chiến tranh.
Can qua xứ xứ khởi đao binh!
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân dậu niên lai kiến thái bình.

Bốn câu trên dùng bàng chi định ý nói cuối năm Thìn (rồng) sang đầu năm Tị (rắn) khổ vì chiến tranh, can qua nổi khắp nơi, năm Ngọ (ngựa) năm Mùi (dê) anh hùng hết, Thân Dậu đến là thiên hạ thái bình. Nếu những câu ấy ứng vào thời này, thì câu thứ nhất là hai năm 1940-1941, câu thứ ba hai năm 1942-1943, câu cuối là hai năm 1944-1945.

Giữa lúc cuộc sống hằng ngày đang vất vả và số phận con người bấp bênh như hạt bụi trước gió, phần nhiều người ta ai cũng muốn những câu sấm ấy sẽ ứng cả vào dịp này. Vì một lẽ rất giản dị là người ta sẽ chóng được trông thấy quang cảnh thời bình.

Nhưng nếu thời cuộc xảy ra quả đúng

như mấy câu trên này cũng không có ích lợi gì về nhân sinh cả. Bởi nó chỉ để cho người ta biết những việc đã đến, chứ không thể nào biết rõ được những việc sẽ xảy ra. Vả lại cái biết ấy bao hàm quá, tổng quát quá, không những không có ích gì cho cuộc sống còn hàng ngày mà lại cũng không lợi thêm gì cho trí thức con người nữa.

Như vậy thì, như trên đã nói, những câu sấm của Trang nếu quả có đúng, cũng chỉ là trò tiêu khiển tinh thần riêng Trạng mà thôi, cái thứ trò chơi nhiều khi rất hại cho người sau. Vì người ta sẽ vin vào đấy mà suy diễn láo, để tự làm nhụt mất chí tiến thủ, làm giảm mất sức hoạt động ở mình đi mà tin cả vào có giời xếp đặt. Có lẽ Trạng cũng cảm thấy chỗ sở đoản của thường-nhân như vậy, nên Trạng mới đặt ra những câu sấm rất ngô-nghê khó hiểu, chỉ khi nào ứng vào việc đã xảy ra rồi, người đời mới nhận rõ.

Vậy, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa, những câu sấm kia chỉ là những trò chơi của bậc đạt-giả lưu lại để làm

vui cho những tâm hồn tri thức hiếu kỳ mà thôi chứ không có ích lợi gì cho nhân sinh và xã-hội.

Ta không nên vin vào đấy mà định giá tiểu hiền.

CHƯƠNG VI

NHỮNG HỌC TRÒ NỔI TIẾNG

Khi còn ẩn cư và sau khi về tri-sĩ, Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm dạy được rất nhiều học trò. Gần xa mộ đạo cao đức trọng, kéo nhau về học ở cửa Trạng kể có hàng mấy ngàn người. Phần nhiều các đại quan giúp cho Lê triều trung hưng sau này đều là học trò Trạng. Danh tiếng nhất có những ông Nguyễn-Dữ ẩn-cư không ra làm quan, Nguyễn Quyện, Giáp-Hải làm quan với nhà Mạc, Phùng-Khắc-Khoan, Lương-Hữu-Khánh, Đinh-Thời-Trung, Trương-Thời-Cử ra giúp nhà Lê.

Nguyễn-Dữ 阮嶼, người làng Đỗ Tùng huyện Trường-Tân (sau đổi là Gia-Phúc bây giờ là Gia-Lộc thuộc tỉnh Hải-Dương) con quan Tiến-sĩ Thượng-Thư Nguyễn-Tường-Phiên, ẩn cư, không ra làm quan, làm ra bộ sách « *Truyền kỳ mạn lục* » gồm

hai mươi truyện quái dị. Bộ sách này được Trạng Nguyễn-Bỉnh-Khiêm phủ chính. Hậu học là Ôn-định-Hầu Vũ-Hân-Lân phê là *Thiên cổ kỳ bút!*

Nguyễn-Quyện 阮倦 là con Nguyễ -Thiến trước đã theo cha bỏ Mac về Lê, sau lại quay về Mạc, làm đến chức Thừa-Tướng Thượng-Tể tước Thường-quốc-Công, đánh nhau nhiều trận với quân Lê. Năm Nhâm-thi (1592) đánh với Trịnh-Tùng ở cầu Nhân-mục gần Thăng-Long thua trận bị bắt.

Giáp-Hải 甲海 đẻ ở làng Công-Luận huyện Văn-Giang làm con nuôi người lang Sinh-Kế huyện Phượng-Nhỡn đỗ Trạng-Nguyên khoa Mậu-Tuất năm Đại-Chính nhà Mạc thứ chín (1538), làm quan đến Lại-bộ Thượng-thư Kế-Khê hầu, sau được phong Sách-quốc-Công.

Phùng Khắc-Khoan 馮克寬 tự Hoằng-Phủ, hiệu Nghị-Trai, người làng Phùng-Xá, huyện Thạch-Thất tỉnh Sơn-Tây đỗ Trạng-Nguyên triều Hậu-Lê, ta thường quen gọi Trạng-Bùng Khi còn đang học Trạng Bỉnh Khiêm, nghe những lời

dạy giảng về đạo lý về lẽ thuận nghịch, Phùng tỉnh ngộ, không có ý ra làm quan với triều Mạc. Một đêm Trạng đến gõ cửa gọi bảo rằng :

— Gà đã gáy rồi, giời đã sáng rồi, sao không dạy, còn ngủ mãi ư ?

Khắc-Khoan hiểu ý, liền vào Thanh-Hóa giúp vua Lê. Trước khi sắp sửa đi, vào bái biệt, Trạng không bảo gì cả, lúc giở ra, Trạng cuốn chiếu ném theo, (ý bảo Khắc-Khoan về giúp Lê đánh Mạc khi đã đắc thắng nên thừa thế tràng khu như thể cuốn chiếu vậy.)

Năm Đinh-dậu hiệu Quang-Hưng thứ 20 (1597) đời vua Lê-Thế-Tông, Phùng-Khắc-Khoan nhận chức Công-Bộ Tả-Thị-Lang sung Chánh-sứ sang nhà Minh đem dâng lễ cống và cầu phong. Vua nhà Minh chỉ phong cho vua Thế-Tông làm An-nam Đô-Thống-Sứ. Khắc-Khoan không chịu nhận, dâng sớ tâu rằng :

« Đô-Thống là chức cũ của họ Mạc, chứ vua nước Nam là dòng-dõi họ Lê mà phong cho chức ấy thì không xứng đáng. »

Vua Minh nói đỡ rằng :

— Vẫn biết họ Lê không **vi như họ Mạc, nhưng lúc đầu mới phong, hãy tạm cho chức ấy, rồi về sau sẽ phong Vương.**

Khắc-Khoan cũng phải chịu. **Nhưng do đấy người Minh thêm trọng sứ thần Việt Nam.** Lại nhân gặp kỳ Khánh-Thọ vua Minh, Khắc-Khoan được **vời dự có dâng mười bài thơ chúc thọ, được ngự khen nước** Việt-Nam là nước văn hiến. Dịp **đi sứ này,** Khắc-Khoan **cảm hứng làm được một tập thơ, có sứ thần Cao-Ly là Lý Tỵ-Quang đề tựa.**

Lương-Hữu-Khánh 梁有慶 **là con** giải quan Bảng-nhỡn Lương-Đắc-Bằng. **Khi quan Bảng yếu nặng có dặn Trạng** Bỉnh-Khiêm phải trông coi. Trạng đem **Hữu-Khánh về nuôi dạy như con. Khoa Mậu-Tuất, Đại chính thứ chín (1538), Hữu-Khánh vào thi Hội đỗ Hội-nguyên. Đến Đình-thi bỏ về không thi nữa, ra bảo với mọi người rằng :**

— **Có phải ta cầu công danh đâu, đi thi để thử xem tài học của ta thế nào đấy thôi.**

Triều đình nhà Mạc làm đủ cách để

ra làm quan, Lương đều chối từ, cam chịu nghèo túng đi ngao du khắp mọi nơi. Sau về giúp vua Lê, có nhiều quân công, được phong Trúng Hưng công-thần, làm quan đến Binh-bộ Thượng-thư, tước Tín quốc công.

張時擧 Trương-Thời-Cử, 丁時中 Đinh-Thời-Trung đều đỗ Tiến-sĩ đời Hậu-Lê và làm nên quan to.

* * *

Khi Trạng Bỉnh-Khiêm tạ thế, các học trò đã hiền-đạt cả rồi. Ai-tín truyền ra, ai nấy đều cảm thương, xa gần lớn nhỏ đều về hộ tang, không kể người Lê hay người Mạc. Tất cả đều chỉ biết cùng trong một mối cảm mộ vị tôn-sư và cùng đứng trước một cái tang đau đớn. Anh em liền cùng nhau tôn trạng làm *Tuyết-giang Phu-tử* 雪江夫子 giết trâu lợn tế mộ rất là thanh kính.

Đinh-thời-Trung thay mặt anh em soạn bài văn tế rất cảm động, đại lược như sau;

嗚呼。嶺頭雲暗。前賢之草木改觀。庵水波澄。吾道之

淵源如故.靜思細密之緜
亳.景仰寵容之鍾英.鈞賦道學才兼
先生.明耳目洪襟大誦詩正於
聰賚.廣胸言遍章船一經
自富.萬步成章詞撐乙腑.
滌.七造其極於籍太藏之
亦苟其藝六明之心思.
苟詩書理門戶.道渾
涯.楊家失文之用.雍容

惟秀爲原歐杜
不究津照
明.義之黎
光詁.燃
天知瀟縗.
綸來腹蜚驥
地邵經聲足
綸名長

詠雪高標於唐榜宋科志

燭級士學出之山周。先生已不大聖
盡五、塲理手、獸之不自先門道也孟亞不葛諸、雨風秋宮牆。唐國干戈。顏體之域其然宇宙。人之乎胡虞
未色五於對無鳳在體之域其然宇宙。人之乎胡虞
成雲浪騰無鳳地無統惟道天孟亞不葛諸、雨風秋宮牆。唐國干戈。顏體之域其然宇宙。人之乎胡虞
章呈之永雄無之文宿。人之粹聖人星有烏如乎之具。聖已燹乏豈魯爾通辰
置、已門譽英雄之文宿。人之粹聖人星有烏如乎之具。聖已燹乏豈魯爾通辰
白出禹名、國英烏之山周。先生已不大聖
衣榜於知兩類燬天不傳想。魯宮牆。唐國干戈。顏體之域其然宇宙。人之乎胡虞
錦三、鴞總簽其麟。在無而做。通爾世生於春生
條先予之乎麒川用生而做。
銳條先予之乎麒川用生而做。

於炎漢盛時.許子邽僅其
彊元爽霄.事非獲已先生
不得從其天權.一道已壽.壯月有歎.君時運之武侯星隕哀
自聽重留卷非於其益歲懷西虛之望圖難

者生先感鬱變將誰道王
波淚血禽色水蟻亦傷戕
波心戕鼠參日之鬧喧人
蛛結愁綠山上間祠花草
煙冷淡山頭敝市上行人
差村依舊市上音響已不
期先生之音響已不可聞
佛寺之基址如新寺中遺
像莊嚴訝先生之容儀如
有所覩石碑先生所製也
慕先生而卽求其跡則字
痕深淺苔蔓石面一殘碑
榕樹先生所種也慕葉蕭
而欲求其眞則條樹寒江
[illegible]浸枝頭單老樹乃

先生所居也。望先生於江之望雲雲哉
之表者。只見江之波。江也見惟江
潮。白雲於雲之聚。秋陽。秋陽之照。江生其泰
先生之散。先生其江漢。先生之長。先生其
之哉。乃雲之其秋陽之樹哉。先生其林
先生之道。宛然存。即林
數之常榮。泰山之常固。想
此日大村雲暗。分半時空
副有天。第今朝木本水源
動念處。無能回首。謹告

Ô hô ! Linh đầu vân âm, tiền cung chi thảo mộc cải quan,

Am thủy ba chừng, ngộ đạo chi uyên nguyên như cố !
Tinh tư tế mật chi tỉ hào ;
Cảnh ngưỡng ung dung chi cổn-phủ.
Diễn duy tiên sinh
Đông hải chuông anh ;
Nam-sơn Lục tú.
Thông minh nhĩ mục, Hồng quân phú dữ bất vi bần ;
Quảng khoát hung khâm, đại đạo uẩn tàng nguyên tự phú.
Vạn ngôn biển tụng, học lực quán Ẩu, Tô.
Thất bộ thành chương, thi tài kiêm Lý, Đỗ.
Diệc tạo kỳ cực ư chính đại quang minh,
Bất cầu kỳ nghệ ư từ chương huấn hỗ,
Nghĩa cứu thi thư lục tịch, xanh thuyền cùng Chu-Tử chi tân nhai,
Lý minh Thái Ất nhất kinh, Nhiên lè chiếu Dương-Hùng chi tạng phủ.
Kinh thiên vĩ địa, Chu Chủng-tể tân-tư.
Tàng vãng tri lai, Thiệu-Nghiêu-Phu môn hộ.

Đạo chi trừ, mãn phúc kinh luận ;
Văn chi dụng hồn thân cẩm tú;
Phi thanh danh ư Chu ung Lỗ phấn,
tâm hùng ký túc tràng đồ.
Đoạt cao tiên ư Đường bảng Tống
khoa, chi nhuệ cẩm y bạch trú.
Chương thành vị tận trúc điều tam ;
Bảng xuất dĩ trình văn Sắc ngũ.
Cấp tiên khóa ư Vũ-môn chi lãng,
ngũ trường sĩ tử tổng tri danh ;
Dự vinh đẳng ư lý học chi thuyên,
lưỡng quốc anh hùng vô đối thủ.
Xuất hồ kỳ loại như điểu chi Phượng
hoàng, thú chi kỳ lân ;
Hoán hồ hữu văn, tại địa chi Sơn
xuyên, tại thiên chi linh tú.
Thể vô bất chu ;
Dụng [illegible] bất cụ,
Thánh nhân chi thống tự tiên-sinh
nhi truyền,
Thánh nhân chi vực duy tiên-sinh
nhi tố.
Tưởng dĩ tuy hồ kỳ đạo, môn dĩ
thông Châu Lỗ cung tường.
Hồ nhiên Thiên đã bất thời, thế

khởi phạp Đường Ngu vũ trụ.
Mạnh đại hiền sinh ư Chiến-Quốc
can qua,
Nhan Á thánh sinh ư Xuân thu
phong vũ.
Gia-Cát bất sinh ư Viêm Hán thịnh thì :
Hửa tử khước trị kỳ cường Nguyên
di lỗ.
Sự phi hoạch dĩ tiên sinh đắc bất
lòng quyền,
Thiển thực vi chi, tiên sinh tự thính
kỳ thụ
Sích tầm tự kỷ chu tri ;
Khinh trọng vu tâm quyền độ,
Kiệt chung vu bạo, khẳng lưu ngũ
tựu chi xa ;
Lương bất khả hành tức quyền tam
lai chi tụ,
Hà sự phi quân, bà lạc phi đạo,
nhất kiêm chi nhậm chi thanh ;
Diệc hoạch ư kỷ, diệc lạc ư nhân,
lưỡng đắc kỳ danh kỳ thọ,
Tiết duy kiên bất trụy đan tâm ;
Chi ích tráng ninh tri bạch thủ,
Dung dự Kiều Tùng tuế nguyệt, chính
thùy Chu-Cổn ư đông giao ;

Quyền hoài Nghiêu Thuấn quân đâu
thùy sức Lỗ lân ư Tây thú.
Ta thì vận chi bất tề,
Trường doanh hư chi hữu số,
Vũ hầu tinh vẫn, bá đồ nan vọng
tục Lưu.
Phu tử phượng suy vương đạo thùy
tương biến Lỗ.
Cảm tiên sinh giả, sơn hà giai biến
sắc, thủy hàm huyết lệ ba ba;
Tư tiên sinh giả, trùng nghĩ diệc
thương tâm, thù kết sầu ti lũ lũ.
Dĩ hĩ tai! vân yên lãnh đạm, sơn
thượng nhàn từ;
Hoa thảo sâm si thôn đầu tệ vũ.
Nhất phiên thị chi nhật kỳ y cựu,
thị thượng hành nhân huyên náo,
khái tiên sinh chi âm hưởng dĩ
bất khả văn;
Nhất phật tự chi cơ chỉ như tân, tự
trung di tượng trang nghiêm, nhạ
tiên sinh chi dung nghi như hữu
sở đỗ.
Thạch bi tiên sinh sở chế giả, mộ
tiên sinh nhi tức cầu kỳ tích tắc

tự ngân thâm thiềm, đài man thạch
diện nhất tàn bi;
Dung thụ tiên sinh sở chủng giả, mộ
tiên sinh nhi dục cầu kỳ chân, tắc
điểu diệp tiêu sơ, tuyết tầm chi đầu,
đơn lão-thụ!
Hàn giang nãi tiên-sinh chi sở cư giả,
vọng tiên sinh ư giang chi biểu giả,
chỉ kiến giang chi ba, giang chi chao;
Bạch-Vân nai tiên sinh tự danh giả,
vọng tiên sinh ư vân chi thượng
giả, chỉ kiến vân chi tán, vân chi tụ;
Nhiên nhi; khởi duy vân tai, tiên-
sinh kỳ thu dương, khởi duy giang
tai, tiên-sinh kỳ Giang Hán; Tiên
sinh chi danh thường tự tại, tức
thu dương cui trang chiếu, Giang
Hán chi trang lưu.
Khởi duy thụ tai, tiên sinh kỳ lâm
tầu, khởi duy thạch tai, tiên sinh
kỳ Thái sơn, tiên sinh chi đạo uyển
nhiên tồn, tức lâm tầu chi thường
vinh, thái sơn chi thường cố.
Tưởng thử nhật, đại thôn vân ám,
phân bàn thi không phó hữu thiên;

Đệ kim chiêu mộc bản thủy nguyên,
động niệm xứ vô năng hồi thủ.
Cần cốc!

Dịch:

Than ôi!
Mây mờ đỉnh núi,
Cỏ cây vườn cũ phai mầu;
Nước lặng mặt ao,
Nguồn gốc đạo ta như cũ.
Lặng nhớ ti-hào;
Ngửa trông Cổn phủ,
Kính nhớ tiên sinh:
Bể Đông-hải chung anh,
Núi Nam-sơn dục tú,
Mắt tai sáng suốt,
Giời xanh phú dữ vốn không nghèo.
Bụng dạ mở mang,
Đạo lớn uẩn tàng nguyên sẵn có.
Muôn thiên đọc khắp,
Học tài chẳng kém Âu, Tô (1).
Bầy bước nên thơ,
Văn lực không nhường Lý, Đỗ (2).

---

1) Âu dương Tu, Tô đông Pha.
2) Lý Bạch, Đỗ-Phủ.

Đạo đã nên chính đại quang minh,
Nghề chẳng những từ chương huấn hỗ.
Sáu bộ Thi Thư suốt nghĩa,
Bơi thuyền đến bến thầy Chu,
Một kinh Thái Ất thuộc lòng,
Đốt lửa soi gan Dương-tử (1)
Ngang giời giọc đất,
Cùng lòng Chu-tể (2) tâm tư,
Suy trước biết sau,
Học lối Nghiêu-phu (3) môn hộ
Đạo chửa chan một bụng kinh luân;
Văn tô điểm suốt mình cẩm tú,
Thanh giá nức tràng Ung cung Phán,
Đường dài vó ký ruổi rong;
Công danh tranh khoa Tống bảng Đường,
Áo gấm ban ngày rực rỡ.
Đuốc ngọc chưa tàn ba ngọn,
Văn viết đã xong;
Bảng vàng rộng mở năm mây.
Tên đà treo đó.

---

1) Dương hùng cuối đời Tây Hán.

2) Chu công Đán em Văn vương làm tướng nhà Chu giúp Vũ-Vương, Thành vương.

3) Thiệu-tử tên là Ung, hiệu Nghiêu-phu, một nhà dịch học đời Tống làm ra quyển Hoàng Cực Kinh Thế — thư.

Ba đợt Vũ-môn bay-nhảy,
Năm trường sĩ-tử thảy tri-danh ;
Một mình lý-học tinh-thông,
Hai nước anh hùng không đối thủ.
Văn chương rực-rỡ như núi sông ở dưới đất, như ngôi sao ở trên giời ;
Phẩm loại tốt vời như phượng-hoàng trong loài chim, kỳ lân trong giống thú.
Thể không gì là chẳng chu ;
Dụng không gì là chẳng đủ.
Đạo thống Thánh nhận tự tiên-sinh mà truyền ra ;
Bờ cõi Thánh-nhân duy Tiên sinh là thấu-đáo.
Những tưởng đạo ngày càng sáng,
Cửa đã thông Châu Lỗ (1) cung tường ;
Hay đâu sinh chẳng gặp thời,
Đời nào phải Đường Ngu vũ-trụ.
Mạnh đại-hiền gặp buổi Chiến quốc can qua ;

---

1) Châu là quê hương Mạnh tử Lỗ, là quê hương Khổng-tử.

TUYẾT-GIANG PHU-TỬ

Nhan đề-thánh sinh thời Xuân thu phong-vũ.
Sự bất đắc-dĩ, tiên-sinh cũng phải tòng-quyền ;
Giới thực sui nên, tiên-sinh há không thinh-thụ.

Thước tầm đo đắn, sự đã phân-minh ;
Nặng nhẹ cân lường, lẽ thường tỏ rõ.
Chúa Kiệt vẫn là kẻ bạo,
Gác xe chẳng ngại ba lần ;
Nước Lương không có thể làm,
Cuốn áo đã chừng ba độ.
Thờ ai chả là vua, vui gì chả là đạo,
Một mình vừa nhiệm, vừa thanh (1)
Đã có ích cho mình, lại có lợi cho người.

Đôi bề được danh được thọ.
Tiết bền vẫn giữ tấm đan trung ;
Chí vững chẳng dời khi bạch-thủ.
Ngày tháng Kiều Bành còn rộng rãi,
Áo nhà Chu còn rủ chốn đông-giao,
Quốc dân Nghiêu Thuấn vẫn trông nhờ,
Lân nước Lỗ đã gặp ngày Tây-thú.

---

1) Nhiệm là chuyên việc chỉ Y-Doãn, Thanh là trong sạch chỉ Bá-Di.

Thương thay ! thời vận không lường ;
Ngán nỗi đầy vơi có số.
Ông Vũ-hầu (1) đến kỳ tinh lạc,
Còn mong gì nghiệp Bá nối nhà Lưu,
Đức Phu-Tử (2) tới lúc phượng suy
Không có thể đạo vương phù nước
Lỗ.
Cảm tiên sinh, núi sông đều biến sắc,
Nước triều man mác đòi phen ;
Nhớ tiên-sinh, sâu kiến cũng đau lòng
Tơ nhện vấn-vương khôn gỡ !
Đền trên non lạnh lẽo khói mây,
Nhà đầu xóm ủ ê hoa cỏ !
Chợ nọ kỳ phiên vẫn họp
Khách buôn huyên náo, mà tiên sinh
âm hưởng vắng không ?
Chùa kia cơ chỉ vẫn còn,
Tòa phật trang nghiêm tưởng tiên-
sinh dung nghi còn đó,
Bia đá của tiên-sinh dựng,
Nhớ tiên sinh muốn tìm dấu cũ, thì
nét chữ mờ mịt, rêu chen mặt đá,
đã thành ra một chiếc tàn bia ;

---

(1) Gia Cát Khổng Minh
(2) Khổng Tử.

Cây đa của tiền sinh giảng.
Nhớ tiên-sinh muốn ngắm cảnh xưa,
thì cảnh là lơ thơ. tuyết dủ đầu
cây, đã hóa hẳn một chòm cổ-thụ.
Hàm-giang là chỗ tiên sinh ở.
Trông tiên-sinh ở trên sông ấy, chỉ
thấy khi nước xuống khi nước lên;
Bạch-Vân là tên tiên sinh đặt.
Trông tiên sinh ở trên mây kia, chỉ
thấy đám mây tan, đám mây tụ.
Nhưng tiên sinh há những như mây.
tiên sinh là bóng thu dương, tiên-
sinh há những như sông. tiên sinh
là sông Giang Hán.
Tiếng tiên sinh không bao giờ mất,
tức là bóng thu dương sáng mãi,
nước Giang Hán chảy tràn:
Mà tiên sinh há những như cây. tiên
sinh là khu rừng lớn, tiên sinh há
những như đá. tiên sinh là núi Thái
Sơn.
Đạo tiên-sinh muôn thuở vẫn còn, tức
là khu rừng lớn tốt tươi,
Núi Thái-Sơn cũng cỗ!
Tưởng ngày đó, bóng mây vẳng nửi,

Đau lòng thay là lúc chia phôi ;
Nghĩ buổi nay, nguồn nước gốc cây,
Ngảnh mặt lại càng thêm cảm mộ.
Cần Cốc !

* *

Cứ xem như bài văn tế của Đinh Thời Trung trên đây tuy lời lẽ có vẻ tâng bốc,— ta đủ thấy uy-quyền đạo-đức và trí-thức của Trạng thời ấy to biết dường nào! Với một tài học uyên bác và một lòng ngay thẳng như gương, Trạng đã vượt hẳn lên trên thế-tục, không bị vướng víu vào lợi danh, khiến cho đôi bên Lê Mạc vốn cừu thù mà vẫn đến cố vấn nơi ngài không nghi ngại.

Cũng vì thế, cho nên không những riêng học trò Trạng tôn mộ Trạng, cho đến tất cả quan dân sĩ thứ toàn quốc cũng đều phải một lòng kính phục tôn mộ Trạng.

Và cái lòng ngưỡng mộ ấy còn bền vững mãi ở những lớp người sau, và chiếm được cả lòng người ngoài nữa.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI SAU NGƯỠNG MỘ

Như trên đã nói, lòng ngưỡng mộ Trạng Nguyễn Bỉnh-Khiêm còn mãi ở những lớp người sau. Sự ngưỡng mộ ấy được phát biện và ghi chép hẳn hoi, ta nên lược kể mấy sác chứng sau này :

1.— Khoảng năm Chính-hòa (1680-1705) đời vua Y-tông nhà Lê, Sứ nhà Thanh bên Tầu sang sách phong cho vua Hy-tông, là Chu-Sán, có làm tập thơ « Sứ-Giao » trong có một câu rằng :

衣冠人物重南疆

Y quan nhân vật trọng phương nam cương
(*Nghĩa là : Nhân vật áo mũ làm trọng cho cõi Nam*)

Chu-Sán lại tự chú thích rằng : « Lý-học thời có *Trình Tuyền*, (tức Trạng Trình) Vũ-Duệ ; Kinh-tế thời Mạc-Đĩnh-

Chi, Nguyễn-Trung-Ngạn, Nguyễn-Trãi, Lương-Thế-Vinh. Còn Văn-học thì nhiều.»

2 — Năm Ất-mão năm đầu niên-hiệu Vĩnh-hựu (1735) đời vua Ý-tông nhà Lê, dân làng Trung-am cảm nhớ thịnh-đức của Trang, nhân chỗ đền cũ, làm rộng ra ba tòa, rồi liên hồi cả người trong Tổng, định lệ cứ mỗi năm hai kỳ xuân thu cả tổng đến tế để tưởng nhớ đến bậc kỳ tài có công đức với dân.

3.— Năm Giáp-tí, niên hiệu Cảnh-hưng thứ năm (1745), Ôn-định-hầu Vũ-Hân Lân, người làng Ngọc-Lặc, huyện Tứ-Kỳ (Hải-dương) có soạn bài văn bia để kỷ công Trạng dựng ở đền thờ và làm ra tập Bạch-vân-am cư sĩ phả ký cuối cùng kết đại-lược như sau:

« ... Người trong họ là Nguyễn-Chí-Lý, sợ phả hệ thất lạc đi, có nhờ tôi biên soạn.

«... Tôi tiếc loài Kỳ-lân Phượng-hoàng là vật Vũ-trụ không dễ thấy. Song chơi ở rừng nhà Đường, kêu ở ấp nhà Chu còn có thể gọi là điềm tốt. Đây tiên sinh thiên-tư minh-duệ, ôm cái học Thánh-

Hiền, giá gặp thời mà hành đạo, tất có thể làm nên chí-lị, đổi được cái thói khinh bạc ra nền văn-minh rực-rỡ. Thế mà đức đáng đạo vua, lại sinh vào đời bá, cái sở học bình sinh không có chỗ dùng. Tiếc thay !

« Tuy nhiên, dùng hay bỏ, làm hay dấu, đối với tiên sinh nào có hơn kém gì. Và tôi đây lại vì thế càng thêm lòng bái mộ. Sinh ở đất Mạc mà thử ra làm quan ấy là cái lòng muốn đến Công-Sơn (1) lòng thường biết việc đời không thể cưỡng được, đành phải bỏ về, ấy có cái chi theo Xích-Tùng-Tử (2) vậy. Ngày nay nghiền ngẫm di-thư, thấy những sắc ngọc, tiếng vàng, gió lành ánh đẹp, (ngọc sắc Kim thanh, tường phong thụy-nhật) cùng là cái thú khoáng đạt tắm mát chơi dong, cái vui yêu sen hái cúc, như chính mình thân được vái ở dưới thềm mà mục kích vậy. Như thế, trên trăm năm về

---

1) Đức Không-Tử muốn ra làm quan với Công Sơn Phất Nhiễu để hành đạo.

2) Trương Lương bỏ quan tước đi theo Xích Tùng Tử tu tiên.

trước, dưới trăm năm về sau, không ai hơn được tiên sinh, há phải chỉ vì tiên sinh tinh về lý số, rõ trước biết sau mà thôi đâu. Và lại khắp thiên-hạ từ quân vương đến bậc hiền-nhân kể cũng nhiều lắm. Nhưng đều vinh hiển lúc sống, chết đi là hết. Duy tiên sinh truyền đến nay bầy tảm đời rồi, mà sĩ-thứ các nơi càng chiêm ngưỡng như núi Thái-Sơn sao Bắc-đầu, nghìn năm như một ngày vậy. Xa như viên Sứ nhà Thanh cũng từng khen : « *Nhân vật Lĩnh-Nam, lý-học có Trình-Tuyền-hầu* » rồi đem chép vào sách mà truyền khắp Trung-Quốc. Tiên sinh thực là một nhân tài nước Nam ta »

3 — Về đời Minh-mạnh triều Nguyễn (1821-1840), *Phan-Huy-Chú*, tác giả bộ sách giá trị « *Lịch-Triều-Hiến-Chương* » trong *Nhân vật chí*, kết về Trạng Bình. Khiêm, có đoạn rằng :

« Lòng Trạng không một lúc nào quên đời. Lo thời thương tục đều phát lộ ra thơ, văn-chương rất tự nhiên buông miệng là nên lời, không cần gọt rũa

Giản dị mà đủ ý, nhạt nhẽo mà có vị, đều có quan hệ về dạy đời... Ngày nay còn truyền tập thơ *Bạch vân*. Xem qua đại lược, thấy như là giăng sáng ban đêm, gió mát ban ngày, nghìn đời sau còn tưởng thấy được.

« Ông thường có câu thơ rằng :

高潔誰爲天下士
安閑我是地中仙

Cao khiết thùy vi thiên-hạ sĩ.
An nhàn ngã thị địa trung tiên !

(*Nghĩa là cao khiết nào ai là kẻ sĩ trong thiên hạ ? An nhàn ta là tiên trên đời !*)

« Ý chừng câu ấy là câu nói chí vậy ! »

CHƯƠNG VIII

KẾT LUẬN

Ta đã rõ thân thế, tâm-sự Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm cùng là cái hoàn-cảnh xã-hội nó đóng khung lấy sự hoạt-động, của Trạng như thế nào rồi. Vậy ta có thể nhân đấy định được giá-trị Trạng trên lịch sử nước nhà. Riêng phần chúng tôi, ở đây chúng tôi tạm làm công việc ấy tùy theo thiển-kiến của chúng tôi.

Muốn nghiên-cứu một nhân vật cho khỏi sai lầm, trước hết cần phải phân tích rõ cái đặc-tính nó định đoạt những hành động của nhân vật ấy.

Đặc-tính của Trạng Bỉnh-Khiêm là đặc tính một nho-gia chính phải chịu ít nhiều ảnh-hưởng Phật học và Lão-học.

Trạng Bỉnh-Khiêm là một nhà nho thuần tây. Ngay từ tiên-thiên, Trạng đã được khuôn đức theo nho-giáo rồi. Cả một

thời-đại nho học toàn-thịnh từ triều Hồng-đức, đã thấm-nhuần vào mạch máu tất cả mọi người trong xã-hội, đàn ông cũng như đàn bà, ít nhiều tinh-túy của nho-giáo. Nhất là những người dòng dõi nho-gia như Văn-Định và Như-thị. Như-thị lại là một nữ lưu đặc biệt thời bấy giờ. Không những bà đã giỏi văn-tư, thông kinh-sử, tinh lý số, mà thôi, mà lại là người chí thành muốn tạo lấy một người con hơn người. Đã có cái chí ấy, tất nhiên bà phải có phương pháp thai-giáo và giáo dục riêng. Nhờ thế mà cậu bé Bỉnh-Khiêm mới bốn tuổi đã thuộc và hiểu hết các chính văn kinh truyện. Sự thông minh mẫn-tiệp ấy một phần lớn là do bà luyện cho. Như vậy, Trạng Bỉnh-Khiêm, một phần do linh-khí non sông kết tinh, một phần do thuần-túy kinh-nghiệm của những thế hệ trước chuyền vào, và nhất là do di-truyền trực tự cha mẹ, đã trở thành một nhà thông thái phi thường kết tinh của thời đại. Do thuần-túy kinh-nghiệm, nên

nhớn lên, Trạng học đến đâu như ôn lại đến đấy, nhớ và lĩnh hội được hết ý-nghĩa cổ-nhân ghi chép trong sách. Lại nhờ có một vị tôn-sư bác học đã văn truyền thụ cho, nên ngay từ thiếu thời, Trạng đã nghiễm-nhiên trở thành một nho-gia chính-truyền, thấu-triệt và biến dụng hết tinh-thần nho giáo. Cái tinh-thần ấy gốc ở *Dịch kinh bát quái*, quan-niệm vũ-trụ theo lẽ *động*, vì Dịch là thay đổi, là đạo biến thiên của vạn vật, là sự khởi thủy của thế-giới ; là sự biến-chuyển các tiềm lực trong nội giới bản-ngã cũng như ngoại đại-ngã vũ-trụ. Tinh-thần ấy có khuynh-hướng duy-nhất, coi *thiên địa vạn vật là đồng nhất thể*, và *vạn vật các hữu thái-cực*, cho nên trong Hệ-từ Kinh Dịch có câu :

« Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di-luân thiên địa chi đạo. Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa-lý, thị cố chi u minh chi cố ; nguyên thủy phản chung, cố chi tử sinh chi thuyết tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng.

易與天地準.故能彌綸天
地之道.仰以觀於天文.俯明生變
以察於地理.是故知幽死爲
之故.原如反終.故知死爲
之說.精氣爲物.遊魂爲變
是故知鬼神之情狀.

(Nghĩa là Dịch là phỏng theo luật pháp của giời đất, cho nên có thể đối lần đường nối của đạo giời. Ngẩng lên để ngắm suy những bình tượng, cúi xuống xét nghiệm mạch lạc của sông núi, cho nên biết cái tối là nguyên-nhân của cái sáng; cái chung kết lại giở về cái nguyên cho nên biết lý-lẽ của đạo sống chết; cái khi kết tinh lại thành vật thể, cái tinh-lực không định chỗ là biến, cho nên biết tình trạng của quỷ thần là những lực chưa hiển-hiện).

Cái tinh-thần Dịch-học đã mầu-nhiệm và huyền diệu vô cùng như vậy — vì nó là một bản-tính huyền-diệu của thực

tại — người nào không có cảm thông với nó ít nhiều, thì sao hiểu bằng sự diễn giải thuần lý được. Người ta phải luôn luôn thực hiện nó trong mình, phải thể được nó, nghĩa là phải hiểu nó bằng tri hành hợp nhất, thì mới cảm thông được sự vật, rồi mới biến dụng nổi, như trong Hệ-từ đã viết :

« Phù đại-nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên bất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời ; thiên khả phất vi nhi huống ư nhân hồ huống ư quỷ thần hồ !

夫大仁者與天地合其德
與日月合其明、與四辰合
其序、與鬼神合其吉凶、先
天而天不違、後天而奉天
時、天可弗違、況於人乎、況
於鬼神乎、

(Nghĩa là : Ôi ! người đại nhân thông đạo Càn khôn, có cái đức tịnh phối hợp với đức sinh của Giời đất, phối hợp với đức sáng của mặt giời mặt giăng, phối hợp với sự tuần hoàn của bốn mùa, phối hợp với sự cát hung của quỷ thần. Biết trước sự vị lai mà không sai, thừa phụng sự hiện tại mà trúng tiết. Đã không sai luật tự nhiên của Giời Đất, thì sao lại không hợp với lòng người, không hợp với khuynh hướng trầm tiềm của những thế lực tự nhiên còn ẩn.)

Như thế là đã thấu triệt tinh thần Dịch học, đã đến mực *tham thiên địa, đồng nhất với Tạo-vật* rồi vậy. Trạng Bình Khiêm, nhờ thuần túy kinh nghiệm và tư chất thông minh phi thường đã tiến đến độ ấy, lại được tinh tường thêm lên nhờ có bộ « *Thái Ất Thần Kinh* » vì Thái Ất Thần Kinh cũng chỉ là biểu minh Dịch học mà thôi.

Đấy là về vũ trụ, về phương diện nhân sinh, tinh thần nho học chủ trương sự hòa điệu đồng nhất với tự nhiên, cho

nên chú trọng nhất về Lễ Nhạc. Lễ là mọi quy thức mọi trật tự để giáo dục tâm lý sinh lý con người cho con người trở về bản nhiên, thuận với trật tự tự nhiên, để gây lấy cứu cánh là một hòa điệu đại đồng ở trong bản ngã của ta hợp với đại ngã vũ trụ, không còn phân ra chủ với khách nữa, đâu đâu cũng là một hòa điệu ấy. Cái hòa điệu ấy tức là nhạc vậy.

Trạng Bỉnh-Khiêm đã thấu triệt được tinh thần nho học như thế. Vậy thử xét xem trên trường thực tế, Trạng hành động có hợp lý đúng với tinh thần ấy không?

Sống ở giữa cuộc đời rối ren, Trạng cảm cái đau khổ của dân chúng, mà không có phương nào hiệu nghiệm mau chóng đem ra cứu chữa, Trạng cũng toan bắt chước những đạt nhân đời trước tìm nơi ở ẩn, để toàn thân khỏi nạn. Nhưng đã có tâm đau khổ vì thiên hạ loạn ly, thì ẩn đâu mà tránh được sự đau khổ. Cho nên thấy nhà Mạc có cơ duy nhất được quốc gia xã hội, tuy bằng Bá đạo, Trạng

cũng cố ra làm quan mong đem dùng được những điều mình sở-đắc. Đến khi thấy vua tôi nhà Mạc không có lòng giúp mình nên chí-trị, thiên-hạ vẫn còn rối loạn, Trạng lại đành rũ áo ra về mong dạy bảo đàn em, chuyên làm việc bằng văn-hóa.

Nhưng tiếng đã vỡ, danh cao khắp trong Triều ngoài Nội đều kính mộ, hai bên cừu địch nhau đều tôn sùng, Trạng phải xử sự làm sao cho khỏi vạ đến thân. Đối với triều-đình nhà Mạc, dù trái đạo đi nữa, nhưng vẫn một lòng tôn mộ, tất nhiên, Trạng vẫn phải thờ cho hợp đạo theo đúng phép giao-thiệp. Ngoài những điều khuyên chăm dùng nhân nghĩa trị-dân, việc dụ Nguyễn-Quyện về Mạc là một sự đáp tạ lại. Có người sẽ bảo sao Trạng đã biết nhà Lê sẽ trung hưng lên, mà theo Lê là chính đáng, sao lại đi dụ Nguyễn-Quyện về Mạc? Trách như thế là chưa rõ tâm-sự Trạng. Đành rằng theo Lê là chính đạo, nhưng Trạng đương sống trong giang-sơn của Mạc, đã để cho người ta kính trọng bao năm,

nay người ta nhờ một việc mà không giúp há chả phi nghĩa sao ? Vả lại dụ một Nguyễn-Quyện đã bỏ chủ này đi chủ khác, mà thế hiện đương không thể cũng đứng được với Trịnh-Tùng thì cũng chẳng sao ? Trạng không dụ, sớm hay chầy, Quyện tất cũng phải về Mạc thôi. Trạng có thể biết như thế nên mới dụ về. Ta phải xem đến chỗ Trạng để lũ học-trò Phùng-Khắc-Khoan, Lương-Hữu-Khánh về giúp Lê thì mới rõ tâm sự Trạng theo thuận sáng như ban ngày.

Sống giữa thời loạn, một lời nói, nhất là của một người được tôn trọng, rất can hệ. Có thể người ta sẽ vin vào đấy mà làm xằng. Cho nên trạng phải lấy việc khác ngụ ý mà khuyên bảo những người đến thỉnh-giáo. Chắc Trạng lấy làm khổ tâm lắm. Nhưng có như thế thì mới giữ được nguyên-vẹn tấm lòng trong sạch, và mới được yên thân mà chuyên chú về đường văn-hóa, gây lại trật tự từ hạ tầng dân-chúng trở lên.

Ngày nay chắc nhiều người sẽ lấy làm lạ sao, sống giữa lúc loạn ly ấy

làm sao Trạng không đi vào một trong hai con đường mà phần nhiều triết-nhân Tây phương đã qua, trong trường hợp như thế ? Một là tuyên - truyền bạo động. Hai là trước thuật nhiều sách thuyết minh tư tưởng.

Trạng đã không đi vào cả hai con đường ấy. Giá Trạng đi vào con đường thứ nhất, nêu cao cờ Chân-Lý và Chính đạo lên kêu gọi quốc dân chống lại Triều-đình bấy giờ, có lẽ rồi kết quả cũng như Trần-Thâu hay Trần-Cảo mà thôi, về sau ai còn biết đến thanh-danh Trạng làm gì. Trạng đã không làm thế, bởi vì Trạng nhìn rõ Thời cuộc hơn, Trạng trông rõ hiện trạng xã-hội hơn. Nói tóm lại là Trạng tiến hóa hơn, bởi vì nhiều người thật tiến hóa có khi lại hay bảo thủ !

Về con đường thứ hai, Trạng không để lại một quyển sách gì về tư tưởng hay Triết học, ngoài một tập thơ, trong ấy có ít nhiều bài sấm. Tại sao vậy ? Bởi vì Trạng cũng như tất cả các bậc tiên-hiền nước ta, đều quan-niệm rằng

chân lý đã rõ ràng trong kinh truyện của cổ nhân rồi. Mà cần phải tự mình thực hiện, thì mới cảm thông được với chân-lý cho nên những học giả về sau, chỉ cần truyền bảo cho nhau biết lối đến bến bờ chân-lý tức là kinh truyện kia, rồi tự kẻ học thực hiện lấy. Cũng như có một nơi thắng cảnh, ta chỉ nên bảo lối cho biết để đến mà thăm, rồi mỗi người xúc cảm một khác, chứ không thể người nọ bắt người kia cảm theo ý mình Ma đã biết ai cảm nhận được đứng thực tại của tự-nhiên. Cho nên càng thuyết minh, càng giải thích Chân-lý, trái lại lại thành ra càng đi xa chân lý. Bởi quan-niệm như thế, nên các cụ ta ngày xưa rất ít viết sách về tư tưởng.

Tóm lại như trên đã nhận xét, ta có thể kết luận rằng: Trạng Bình-Khiêm là một nhà nho trong-sạch của một thời đại đen tối rối loạn.

Đành rằng trạng cũng không phát minh được gì ích lợi cho sự sinh hoạt của dân-tộc Việt-Nam, song đấy không phải là lỗi ở Trạng, đấy là do phạm vi nhỏ

đẹp của đất nước và do điều-kiện kinh tế địa dư chi phối, và một phần do tinh thần nho học trọng đồng nhất với thế-lực tự nhiên, chứ không mong chiến thắng Tạo hóa, để dịch sử tạo-hóa ; — đành rằng thế, nhưng tấm lòng trong sạch của Trạng đi đôi với sự giữ toàn tính-mệnh cho trọn tuổi giời, giữa lúc thế sự đảo điên như thế, cũng đáng treo làm gương sáng cho bọn chúng ta ngày nay, đang lúc thế giới nghiêng tranh này.

HẾT

SÁCH NÀY IN XONG NGÀY BA
MƯỜI THÁNG BA, MỘT NGHÌN
CHÍN TRĂM BỐN MƯƠI NHĂM,
TẠI NHÀ IN QUANG-HOA, HÀ-NỘI.

Giấy phép in của phòng Thông-Tin, Tuyên-Truyền và Báo-Chí số 41, ngày Hai, Tháng Hai 1945.

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-LA

Số 46, phố Harmand — Hà-Nội

THẾ - LỮ

Ba hồi kinh-dị	7$50
Người vô hình, (tập I)	4.80
Người vô hình, (tập II)	7.80
Bóng ma trong gương	(sắp in)
Dương Quý Phi	(sẽ in)
Lê-Ta làm báo	(sẽ in)

VI HUYỀN ĐẮC

Lệ-chi viên	(đương in)
Giê-su, đấng cứu thế	(đương in)
Kim tiền	(sắp in)
Bạch-hạc đình	(đương in)

ĐÀO TRINH NHẤT

Vương An Thạch	(đương in)
Phan đình Phùng	(đương in)

VŨ NGỌC PHAN

Cây đàn Kỳ-mông	(đương in)
Đôi giầy không mòn	(sắp in)
Tạp bút	(sắp in)

NGUYỄN TUÂN

Một người đốt rừng trúc	(đương in)

CHU - THIÊN

Tuyết-giang phu-tử	7.80

PHAN TRẦN CHÚC

Ba Đình	(sắp in)

LINH - TÂM

Tuyên-phi họ Đặng	(đương in)
Người thứ ba	(sắp in)
Thái-tử Duy-Vỹ	(sẽ in)
Những tối tráng lệ	(sẽ in)

Mọi việc liên bạc, bảo-đảm, xin đề tên ông

VŨ CÔNG HỘ